

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM HOÀNG MAI

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018



Nghệ An, tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

A. TỔNG QUAN.....	1
1. THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO.....	2
2. ĐÔI NÉT VỀ DOANH NGHIỆP	4
3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI	7
4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	8
5. THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY	9
6. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	12
7. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	14
8. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN.....	16
9. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU	18
B. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	21
1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	22
2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
C. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.....	37
1. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO	38
2. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	49
3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	50
4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	57
5. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT	61
D. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	63
1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	64
2. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	65
3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2018.....	67
E. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ KIỂM TOÁN.....	75

A.
TỔNG QUAN

1. THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi toàn bộ cổ đông, khách hàng, đối tác và các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai,

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết với Công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, mức tăng trưởng kinh tế năm 2018 ước đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất từ năm 2008 trở về đây. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%. Theo ông Nguyễn Quang Cung, Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam, trong năm 2018, các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam đã huy động gần hết công suất thiết kế, khoảng 99 triệu tấn/năm. Tiêu thụ xi măng, clinker trong năm 2018 ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều đạt kết quả ấn tượng với tổng sản lượng lên tới 97,6 triệu tấn, trong đó, xuất khẩu lần đầu tiên đạt sản lượng khoảng 31,6 triệu tấn với giá trị trên 1 tỷ USD, tăng 55% so với năm 2017. Hiện nay, sản phẩm xi măng Việt Nam đã có mặt tại thị trường trên 40 nước. Theo Bộ Xây dựng, năm 2018 nền kinh tế cả nước đã có dấu hiệu khởi sắc, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản và cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại.

Cùng trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai cũng đã có một năm đầy khởi sắc và đặc biệt có những cột mốc ấn tượng về sản xuất tiêu thụ. Sản lượng sản xuất clinker và xi măng vượt công suất thiết kế, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng mạnh, đạt mức cao nhất từ trước đến nay (sản lượng xi măng tăng 33,8% so với năm 2017), có nhiều thời điểm Công ty phải mua ngoài để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng. Có được những kết quả này là sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Với kỳ vọng đưa VICEM Hoàng Mai trở thành thương hiệu tiêu biểu toàn ngành trong tương lai không xa, Ban lãnh đạo Công ty xin hứa luôn nỗ lực hết mình để đưa Công ty ngày càng phát triển.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành, tâm huyết của các quý vị để cùng

chung tay xây dựng công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Nghệ An, ngày 03 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Quốc Việt

2. ĐÔI NÉT VỀ DOANH NGHIỆP

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
Tên viết tắt	HOM
Tên tiếng Anh	VICEM HOANGMAI CEMENT JOINT STOCK COMPANY
Biểu tượng Công ty	
Trụ sở	Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
Điện thoại	(0238) 3866 170
Fax	(0238) 3866 648
Email	sales@ximanghoangmai.vn
Website	http://ximanghoangmai.vn
Mã cổ phiếu	HOM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008 theo số 2900329295, thay đổi lần thứ 08 ngày 12/10/2017.
Vốn điều lệ	720.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm hai mươi tỷ VNĐ)
Số lượng cổ phiếu lưu hành	72.000.000 cổ phiếu (Bảy mươi hai triệu cổ phiếu)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Việt - Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai được thành lập ngày 07/10/1995, nằm trong hệ thống 10 công ty thành viên sản xuất xi măng phân bố trên khắp cả nước do Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM) nắm giữ cổ phần và chỉ đạo chiến lược hoạt động. Cùng với Vicem Hoàng Thạch, Vicem Bim Sơn, Vicem Hà Tiên,... VICEM Hoàng Mai đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất và cung ứng xi măng và clinker mang nhãn hiệu VICEM. Trụ sở chính và nhà máy đặt tại Thị xã Hoàng Mai thuộc vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, với vị trí thuận lợi về giao thông đường sắt, thủy, bộ, có nguồn nguyên liệu dồi dào, chất lượng cao. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện chủ trương đổi mới theo chỉ đạo từ VICEM, công ty đã cổ phần hóa thành công, chính thức đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp với vốn điều lệ 720 tỷ đồng vào ngày 01/04/2008, trong đó Nhà nước nắm giữ 70,96% vốn, tạo đà thuận lợi cho bước phát triển mới của VICEM Hoàng Mai trong cơ chế mở cửa của nền kinh tế đất nước.

Áp dụng mô hình tiêu thụ sản phẩm qua nhà phân phối chính, công ty đã thành công trong việc đẩy mạnh doanh số và xác lập lợi ích hài hòa giữa nhà sản xuất và các nhà phân phối. Dây chuyền và công nghệ sản xuất xi măng theo phương pháp khô, lò quay do Pháp và các nước thuộc nhóm G7 chuyển giao và đồng bộ hóa. Xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB30, PCB40... là các sản phẩm được công ty nghiên cứu phát triển dựa trên tiêu chí phù hợp khí hậu và thị hiếu người tiêu dùng nội địa, thân thiện với môi trường và chất lượng luôn được kiểm soát nghiêm ngặt bởi tiêu chuẩn Việt Nam 6260:2009, 2682:2009 và bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001. Không ngừng cải tiến và hoàn thiện, sản phẩm của công ty đã được sử dụng trong việc xây dựng các công trình trọng điểm như Trung tâm hội nghị Quốc gia, các công trình thủy điện lớn như Bản Vẽ, Hòa Na, Trung Sơn, Bá Thước, Ngàn Trươi hay các công trình cầu lớn như Vĩnh Tuy, Bến Thủy 2,... Ngoài ra, thương hiệu còn đạt được sự tín nhiệm trong các dự án kinh tế tiêu biểu tầm cỡ quốc gia: Tổ hợp gang thép Formosa, Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu kinh tế Vũng Áng,... Chất lượng được đánh giá cao tại các công trình xây dựng trên khắp đất nước là yếu tố quan trọng giúp các sản phẩm xi măng và clinker của công ty góp mặt tại thị trường các quốc gia láng giềng như Lào, Indonesia, Philippines,... VICEM Hoàng Mai tự hào được công chúng ghi nhận cho những đóng góp tích cực với xã hội trong suốt hai mươi năm xây dựng và đổi mới: Huân chương Lao động hạng Ba, Giải thưởng Sao vàng đất Việt (2004), Bằng khen của Thủ tướng

Chính phủ về những thành tích đã đạt được nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty (07/10/1995-07/10/2005), Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn (2005), Cúp vàng “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam” (2009), Huy chương vàng tại các hội chợ triển lãm trong nước,...

Bắt đầu những bước đi đầu tiên dựa trên định hướng của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, cho đến nay, VICEM Hoàng Mai ngày càng khẳng định được vị thế vững chắc trong hệ thống các công ty thành viên và góp phần không nhỏ trong việc đưa biểu tượng “con chim Lạc” đến với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Công ty vẫn luôn bền bỉ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và hoạt động vì sự phát triển bền vững sau chặng đường gần 25 năm tạo dựng nền móng, không ngừng phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế để ngày càng hoàn thiện. Đưa slogan truyền thống “Thách thức thời gian” xuất hiện trên bao bì mỗi sản phẩm đến với người tiêu dùng, ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên VICEM Hoàng Mai nhận thức rõ việc doanh nghiệp muốn phát triển dài hạn thì phải chú trọng hơn hết các vấn đề mang tính bền vững có liên quan mật thiết với xã hội và môi trường sống. Vì vậy công ty luôn đề cao việc gắn chặt các mục tiêu, định hướng dài hạn của mình với cộng đồng địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung thông qua các hoạt động, dự án bảo vệ môi trường và tích cực cống hiến vì sự nghiệp an sinh đất nước. Đáp ứng sự tin tưởng ngày càng cao của người tiêu dùng với thương hiệu Việt, VICEM Hoàng Mai vững tin vào một tương lai lớn mạnh hơn trong toàn ngành xi măng và đóng góp nhiều hơn nữa trong cả ba lĩnh vực kinh tế - môi trường - xã hội của đất nước.

3. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

❖ **Tâm nhìn:**

- Phát huy thế mạnh về tiềm năng nguồn nguyên liệu và điều kiện hạ tầng để phát triển sản xuất, kinh doanh xi măng nhằm chiếm lĩnh thị phần cốt lõi, thị trường mục tiêu, thị trường tiềm năng và xuất khẩu.

- Đảm bảo hài hòa các lợi ích: lợi ích cho nhà nước, lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho người lao động; cùng Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam phấn đấu đưa công nghiệp xi măng trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng.

❖ **Sứ mệnh:**

- Không ngừng đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu nhằm phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo cung ứng xi măng và clinker qua hệ thống nhà phân phối chính trên toàn quốc và thúc đẩy hoạt động xuất khẩu sản phẩm sang thị trường nước ngoài.

❖ **Giá trị cốt lõi:**

- Tận dụng lợi thế địa lý với nguồn nguyên liệu đá vôi, đất sét dồi dào, trữ lượng lớn, chất lượng và tính ổn định cao để nâng cao quy hoạch, khai thác lâu dài, khẳng định uy tín dựa trên chất lượng sản phẩm.

- Đồng bộ hóa, đổi mới và nâng cấp thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng nhằm tối thiểu hóa tỷ lệ lỗi, tối ưu hóa năng lực sản xuất, đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước và phục vụ hoạt động xuất khẩu.

- Lấy con người làm yếu tố then chốt, không ngừng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đầu tư cho công tác quản lý để đảm bảo duy trì sản xuất an toàn, ổn định, đạt được hiệu quả cao.

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 07/10/1995: Công ty Xi măng Nghệ An – tiền thân của Công ty Xi măng Hoàng Mai được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, mục đích để làm chủ đầu tư dự án xi măng Hoàng Mai. Dự án này được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 15/4/1996, với công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm, tổng mức đầu tư 238 triệu USD được huy động từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước. Đây là dự án quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam được Chính phủ cho phép thí điểm thực hiện tự vay vốn đầu tư và chịu trách nhiệm trả nợ.

Ngày 09/06/1999: Công ty tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất của dự án xi măng Hoàng Mai. Ngày 6/3/2002: Nhà máy đã cho ra lò những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt sau 32 tháng khởi công xây dựng. Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam cho ra lò những tấn clinker tốt nhất ngay ở giai đoạn đầu của quá trình sản xuất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh - nghiệm thu chạy thử.

Ngày 18/10/2000: Công ty Xi măng Hoàng Mai trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (Vicem), trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An sau buổi ký kết biên bản bàn giao giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

Ngày 01/07/2002: Công ty bước sang giai đoạn sản xuất kinh doanh chính thức trong hệ thống các công ty thành viên thuộc VICEM sau quá trình sản xuất thử. Nhà máy Xi măng Hoàng Mai được vận hành với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, lò

nung đạt công suất 4.000 tấn clinker/ngày, đốt 100% bằng than antraxit tiết kiệm nhiên liệu, hiệu quả kinh tế cao.

Năm 2004: Công ty được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và chứng chỉ quản lý môi trường ISO 14001:1999. VICEM Hoàng Mai cũng là nhà máy đầu tiên thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thỏa mãn hai tiêu chuẩn nói trên tại cùng một thời điểm chỉ sau một khoảng thời gian ngắn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngày 09/03/2007: Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về chủ trương cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam). Căn cứ chủ trương cổ phần hóa đồng loạt, Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/11/2007.

Ngày 27/02/2008: Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số 219/QĐ-XMVN về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và đổi tên Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai, nay là Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai. Ngày 01/04/2008, VICEM Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với quy mô vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 510,918 tỷ đồng (tương ứng với 70,96% tổng số vốn).

Ngày 09/07/2009: Cổ phiếu HOM của Công ty CP Xi măng VICEM Hoàng Mai được phép tiến hành phiên giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY

Năm	Giải thưởng tiêu biểu	Cấp quyết định	Số quyết định – Ngày ban hành
2015	Huân chương lao động hạng nhì	Chủ tịch nước	QĐ số 1644/QĐ-CTN ngày 07/8/2015
2015	Giấy khen	UBND thị xã Hoàng Mai	41/QĐ-UBND ngày 22/12/2015
2016	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ	420/QĐ-TTg ngày 17/3/2016
2016	Bằng khen	Công đoàn ngành xây dựng	284/QĐ-CĐXD ngày 10/5/2016

2016	Bằng khen	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	879/QĐ-TLĐ ngày 27/4/2016
2016	Cờ thi đua	Bộ xây dựng	02/QĐ-BXD ngày 06/01/2016
2016	Cờ thi đua	Công đoàn ngành xây dựng	06/QĐ-CĐXD ngày 14/01/2016
2016	Cờ thi đua	Công đoàn Tổng công ty CN XMVN	1856/QĐ-VICEM ngày 12/9/2016
2017	Bằng khen	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	1825/QĐ-UBND, ngày 05/5/2017



NĂM 2012

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



NĂM 2012

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận là nhãn hiệu cạnh tranh tại Việt Nam



NĂM 2014

Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An trao tặng bằng khen cho Vicem Hoàng Mai với thành tích tuân thủ tốt nghĩa vụ thuế



NĂM 2017

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận đơn vị điển hình tiên tiến trong công tác phòng cháy chữa cháy



NĂM 2015

Vicem Hoàng Mai vinh dự nhận Giải bạc chất lượng quốc gia



NĂM 2015

Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hạng nhì cho những cống hiến của Vicem Hoàng Mai giai đoạn 2010-2014

6. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ *Ngành nghề kinh doanh*

Sản xuất kinh doanh chính của Công ty là clinker và xi măng, doanh thu của dòng sản phẩm chủ đạo này chiếm 98,3% tổng doanh thu của VICEM Hoàng Mai trong năm 2018. Sản phẩm xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 được tin dùng trong nhiều năm qua bởi chất lượng và tính linh hoạt trong việc áp dụng cho cả các công trình nhà ở lẫn xây dựng công nghiệp. Sản phẩm đầu ra của công ty đều được thông qua khâu kiểm soát chất lượng chặt chẽ với bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đảm bảo thân thiện với môi trường theo đúng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn ISO 14001:2015, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và được phổ biến trên phạm vi toàn công ty.

❖ *Các sản phẩm nổi bật*

Xi măng bao PCB 40 (Tiêu chuẩn áp dụng là TCVN 6260:2009)

Là sản phẩm truyền thống trong nước được ưa chuộng nhất, xi măng PCB40 có nhiều ưu điểm như:

+ Cường độ cao đáp ứng thi công hầu hết các kết cấu, cấu kiện thông dụng của các công trình dân dụng và công nghiệp, độ dẻo cao, giữ nước tốt rất dễ dàng trong quá trình thi công, có thể phát triển, duy trì cường độ trong môi trường ngập nước, khả năng chịu được điều kiện nhiệt độ cao.

+ Giảm nhiệt hydrat hóa: giảm thiểu sự phá hủy kết cấu bê tông do nhiệt, phù hợp cho các công trình khối lớn như đập thủy lợi, thủy điện, các kết cấu khối lớn gia cố nền móng...

+ Sử dụng các loại phụ gia khoáng hoạt tính (puzolan) sản xuất xi măng làm tăng khả năng chống ăn mòn hóa học: ăn mòn sulfate, ăn mòn rửa trôi, hóa chất, sinh học..

+ Giảm phản ứng cốt liệu kiềm – silicat: giảm nứt vỡ cấu trúc do phản ứng kiềm.

+ Tăng tính tương tác của bê tông: duy trì độ sụt tốt hơn, linh động, dễ bơm.

+ Tăng cường độ tuổi muôn và độ bền lâu cho bê tông xi măng.

+ Có khả năng chống xâm thực trong các môi trường.

1. Giới hạn bền khi nén, N/mm², min		
– Sau 3 ngày đêm ± 45 phút:	18	
– Sau 28 ngày đêm ± 08 giờ:	40	
2. Thời gian đông kết		
– Bắt đầu, phút, min:	45	
– Kết thúc, phút, max:	420	
3. Độ nghiền mịn		
– Lượng sót sàng 0,09 mm, %, max:	10	
– Bề mặt riêng Blaine, cm ² /g, min:	2.800	
4. Độ ổn định thể tích (độ nở Le Chatelier), mm, max:	10	
5. Hàm lượng SO₃, %, max:	3,5	
6. Độ nở autoclave, %, max:	0,8	



Đây là sản phẩm tâm đắc của VICEM sau quá trình dày công nghiên cứu và cho ra một dòng sản phẩm thông dụng, đáp ứng yêu cầu của đại đa số gia đình và nhà thầu công trình trong nước. Xi măng rời PCB40 cũng là sản phẩm xi măng chủ chốt tại VICEM Hoàng Mai ở thời điểm hiện nay.

Xi măng ASTM C150/C150M-12 TYPE 1

Là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Vicem Hoàng Mai, xi măng C150/C150M-12 Type I được sản xuất theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM từ việc nghiên cứu clinker, thạch cao và phụ gia hoạt tính,... Sản phẩm này đặc biệt ưa chuộng bởi thị trường Philippines.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Các sản phẩm của công ty chủ yếu được cung cấp cho các nhà phân phối và đại lý trải dọc các tỉnh Bắc miền Trung, bao gồm ba tỉnh lớn là Nghệ An – địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy VICEM Hoàng Mai, cùng với Thanh Hóa và Hà Tĩnh là hai tỉnh lân cận.

Ngoài ra, năm 2018, sản lượng xi măng tiêu thụ tăng tại địa bàn Bình Trị Thiên và miền Trung, miền Nam, là các địa bàn Vicem Hoàng Mai mới quay lại tiêu thụ.

Đồng thời, Công ty cũng đẩy mạnh xuất khẩu, tập trung ở thị trường Philippines.

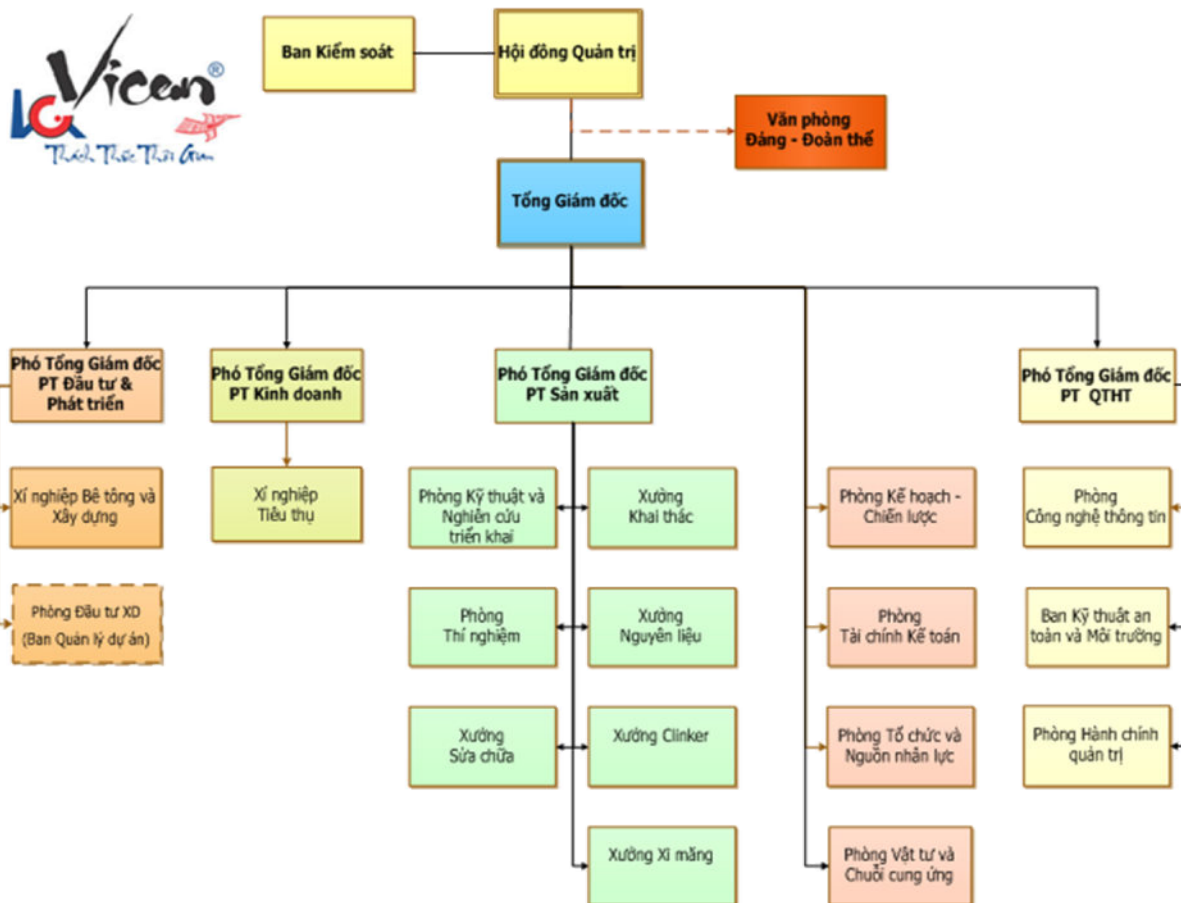
Với ưu thế là khu vực địa lý có nguồn nguyên liệu dồi dào, đá vôi và đất sét ở đây được các chuyên gia thẩm định và đánh giá chất lượng bậc nhất ở Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, hệ thống đường giao thông phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu đến các nhà máy cũng như phân phối các sản phẩm đầu ra tới các nhà phân phối, đại lý tiêu thụ; trong khi đường sắt và đường bộ thuận tiện cho việc tiêu thụ xi măng trong nước thì đường thủy là thế mạnh để xi măng Hoàng Mai đến được thị trường nước ngoài và vận chuyển vào các tỉnh miền Trung một cách thuận tiện nhất. Trên tinh thần khắc phục khó khăn và tận dụng những điểm lợi sẵn có, VICEM Hoàng Mai đã và đang trở thành một điểm sáng trên vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, góp phần đẩy mạnh kinh tế ngành, cống hiến hết mình cho cộng đồng địa phương và không ngừng tạo ra các giá trị thiết thực trong đời sống người dân thông qua các sản phẩm tâm huyết.

7. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ Mô hình quản trị:

Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam - cổ đông nhà nước nắm giữ 70,96% vốn cổ phần, phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Mô hình kinh doanh của VICEM Hoàng Mai tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của công ty, trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, công ty đã thành lập hệ thống các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc, được phân chia theo chức năng riêng biệt nhưng vẫn đảm bảo có mối quan hệ hỗ trợ khăng khít trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.



Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

● **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để kỳ họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

● **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại

hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

• **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

• **Bộ máy điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như quản trị hệ thống, đầu tư và phát triển, sản xuất, kinh doanh.

• **Một số phòng ban chức năng:** Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, Công ty đã thành lập 17 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc và 01 Văn phòng Đảng - đoàn thể, được phân chia theo chức năng gồm: 10 phòng ban, 5 phân xưởng và 02 xí nghiệp. Các phòng, ban, xưởng khác nhau đều có mối quan hệ với nhau nhằm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.

8. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai đã đạt được những thành quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với quyết tâm không ngừng đổi mới, sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, xúc tiến hoạt động xuất khẩu xi măng sang thị trường nước ngoài. Công ty triển khai các định hướng và mục tiêu phát triển hướng đến đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng, cụ thể như sau:

+ Đầu tư Dự án xi măng Hoàng Mai 2 (giai đoạn 1) công suất 6.000 tấn clinker/ngày nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh và tăng hiệu quả cho Công ty.

+ Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất là những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn

định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

+ Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng.

+ Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dừng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; nâng cao chất lượng và mác xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao... để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NOx, SO2, hydrocacbon...

+ Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,...giúp tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sulfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh.

+ Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành, triển khai sản xuất chủng loại xi măng chuyên dùng xây trát cao cấp, hướng vào phân khúc thị trường xi măng giá thấp.

+ Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thể hệ mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng độ bụi trong khí thải.

+ Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty để Công ty phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường của Công ty và các Nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm xi măng Hoàng Mai trên thị trường.

9. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

9.1 Rủi ro trong hoạt động sản xuất và vận hành nhà máy

Nhà máy xi măng Hoàng Mai đã vận hành liên tục và hoạt động sản xuất trên 20 năm, mặc dù được sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên nhưng thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, bước vào giai đoạn có nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới ngừng hoạt động của thiết bị chính để khắc phục, thời gian dừng hoạt động của thiết bị chính sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động đến môi trường, an toàn lao động. Chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Ngoài ra, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về cháy nổ.

9.2 Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào

Ngoài yếu tố thời tiết, một nguyên nhân quan trọng khác làm ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ xi măng trong nước đến từ yếu tố nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên liệu chính làm nên xi măng gồm đá vôi, đá sét, đất giàu sắt, đất giàu silic; nhiên liệu chính gồm than, dầu, điện; kết hợp với các phụ gia như bazan, thạch cao... trong quá trình sản xuất để tạo nên thành phẩm.

Xét về nhiên liệu, bình quân mỗi tấn xi măng sản xuất phải sử dụng 84 kwh điện, chi phí điện chiếm khoảng 14% giá thành. Giá xăng dầu, giá gas biến động theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng biến động cùng chiều làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ xi măng cũng biến động không ngừng. Vì vậy, giá nhiên liệu từ lâu đã trở thành mối quan tâm tại từng thời điểm trong năm của ngành sản xuất xi măng.

Năm 2018, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng, đặc biệt là than tăng giá 4 lần, trong đó có 02 đợt điều chỉnh mạnh vào ngày 1/2/2018 và 20/10/2018 đã làm tăng chi phí sản xuất, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh nguồn cung than cho sản xuất xi măng từ Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam không thể duy trì, nhiều doanh nghiệp xi măng đã phải tìm nguồn than nhập khẩu. Giá nhập khẩu phụ thuộc biến động tỷ giá và tất nhiên, doanh nghiệp không tránh được rủi ro. Trước tình hình khó khăn về nguồn than, trong Nghị quyết 61/NQ-XMHHM-HĐQT ngày 10/8/2018 của

Hội đồng quản trị nêu rõ: “Cần phải xây dựng các phương án sử dụng đa dạng hóa các chủng loại than khác nhau và tăng lượng dự trữ than trong kho đảm bảo duy trì sản xuất”

Để hạn chế rủi ro này, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

9.3 Rủi ro về cung - cầu trên thị trường hàng hóa

Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam nhấn mạnh khi nói về câu chuyện dư cung của ngành xi măng: “Dư thừa năng lực sản xuất đang là vấn đề đối với phần lớn doanh nghiệp trong ngành”. Theo thông tin từ Bộ xây dựng, cả nước hiện có 84 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt 101,74 triệu tấn. Ngành xi măng đang rơi vào tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp đã tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cơ sở hạ tầng như cảng biển, phương tiện vận tải chưa đồng bộ... nên công tác xuất khẩu xi măng chưa đem lại hiệu quả cao. Vấn đề này được xem là thách thức lớn nhất đối với ngành xi măng nói chung và cho các đơn vị sản xuất kinh doanh xi măng trong Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nói riêng.

Trước những thách thức này, Vicem Hoàng Mai vẫn tiêu thụ vượt công suất thiết kế và phải thực hiện gia công hoặc mua ngoài xi măng để phục vụ nhu cầu tiêu thụ sản phẩm. Có được kết quả đó là do Công ty đã mở rộng địa bàn tiêu thụ vào thị trường miền Trung và Tây Nguyên, thực hiện gia công xi măng để xuất khẩu.

9.4 Rủi ro biến động lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Nhất là theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ lạm phát cao do chi phí y tế, giáo dục tăng.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

Ngoài ra, Vicem Hoàng Mai đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.

9.5 Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

B.
HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

❖ Thuận lợi

- Năm 2018 kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng, GDP tăng 7,08%, ghi nhận mốc cao nhất trong một thập kỷ qua; trong đó, ngành công nghiệp tăng trưởng 8,79%, ngành xây dựng tăng trưởng 9,16% so với cùng kỳ; cơ sở hạ tầng, bất động sản vẫn có dấu hiệu tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng.

- Thị trường tài chính ổn định, lãi suất, trượt giá có tăng nhưng ở mức thấp, khoảng 3%. Lãi suất cho vay VND ngắn hạn là 6%-9%/năm; đối với trung và dài hạn là 9%-11%/năm.

- Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2018 ước đạt 1.856 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2017 và bằng 33,5% GDP.

- Thị trường xi măng nội địa tiếp tục tăng trưởng 6%. Thị trường xuất khẩu tăng mạnh do nhu cầu nhập khẩu xi măng tăng cao từ Trung Quốc và Philippines.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền.

❖ Khó khăn

- Trong năm 2018, thị trường xi măng tiếp tục “cung” vượt quá “cầu” nên có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà sản xuất, kinh doanh xi măng.

- Chi phí các yếu tố đầu vào sản xuất có xu hướng tăng, đặc biệt là chi phí năng lượng, trong đó giá than tăng 15% đã ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

- Nguồn than cho sản xuất nhiều thời điểm gặp khó khăn do nguồn cung trong nước không đáp ứng đủ cho sản xuất, Công ty đã phải sử dụng nhiều nguồn than, phối trộn để đảm bảo yêu cầu sản xuất.

1.1 Báo cáo và đánh giá về công tác sản xuất xi măng và clinker

a) Kết quả sản xuất

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện			
			Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	TH.2018/ KH.2018 (%)	TH.2018/ TH.2017 (%)
SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY						
Xi măng	Tấn	1.600.000	1.358.158	1.743.092	108,9%	128,3%
Clinker	Tấn	1.300.000	1.261.883	1.400.097	107,7%	111%

Năm 2017 là một năm khó khăn đối với Công ty khi tất cả các chỉ tiêu về sản xuất, tiêu thụ, lợi nhuận đều sụt giảm so với năm 2016. Tuy nhiên, bắt đầu bước sang năm 2018 Công ty đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về cả sản xuất và tiêu thụ, sản lượng sản xuất clinker và xi măng đều vượt công suất thiết kế, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng mạnh, cụ thể:

+ Sản lượng clinker sản xuất năm 2018 đạt 1.400.097 tấn, bằng 107,7% kế hoạch và tăng 11% so với cùng kỳ; sản lượng xi măng sản xuất đạt 1.743.092 tấn, bằng 108,9% kế hoạch và tăng 28,3% so với cùng kỳ, là sản lượng sản xuất cao nhất trong các năm từ trước đến nay.

+ Tồn kho clinker thời điểm 31/12/2018 là 104.440 tấn, giảm 44,2% so với cùng kỳ năm 2017 (187.158,52 tấn).

b) Đánh giá những mặt đã làm được và những khó khăn, tồn tại trong khâu sản xuất

❖ Những mặt đã làm được

Trong năm 2018, đối với công tác sản xuất, Công ty đã thực hiện tốt những nội dung chính, cơ bản như sau:

+ Duy trì lò nung hoạt động dài ngày, năng suất cao (thời gian chạy lò đạt 340 ngày với năng suất bình quân đạt 4.126 tấn/ngày).

+ Chất lượng clinker, xi măng sản xuất đạt yêu cầu (hoạt tính clinker >55 N/mm², 100% sản lượng xi măng xuất xưởng đạt chất lượng).

+ Công ty đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất hàng ngày, xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn sát thực tế, tổ chức chỉ đạo, giám sát công tác sửa chữa đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ. Năm 2018, tổng thời gian dừng cho sửa chữa tương đương

600 h, chỉ bằng 50% so với tổng thời gian dừng sửa chữa cùng kỳ. Trong đó các lỗi về cơ khí, điện và công nghệ đều giảm so với cùng kỳ.

+ Đã nghiên cứu và áp dụng thành công nhiều đề tài sáng kiến, cải tiến kỹ thuật như:

Nghiên cứu thay đổi hệ số chế tạo bột liệu và thông số vận hành phù hợp khi tăng hàm lượng MgO trong phối liệu sản xuất clinker, từ đó tận thu nguồn đá vôi phi nguyên liệu tại mỏ.

Giải pháp thay thế cơ cấu chống quay ngược của máy cào, máy rải bằng vòng chống quay ngược thông dụng; giải pháp cải tạo bê tông lưới gà đầu lò để tăng tuổi thọ; thiết kế tấm chặn và thanh dẫn hướng tại tấm chèn dưới vành băng đa của lò nung ...;

+ Năm 2018, Công ty đã nâng cao được năng lực chứa của các silo xi măng, nâng cao năng lực xuất hàng, tăng khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường thông qua việc tổ chức thực hiện cải tạo, nâng cấp nhà đóng bao và máy đóng bao số 4; cải tạo, nâng cấp hệ thống silo chứa xi măng; cải tạo, nâng cấp nhà chất tải và máng xuất xi măng lên ô tô.

+ Thực hiện nghiên cứu, điều chỉnh thông số công nghệ, vận hành nhằm giảm tiêu hao than trong sản xuất clinker. Năm 2018, tiêu hao than ở mức 826 kcal/kg clinker (năm 2017 thực hiện 863 kcal/kg clinker).

+ Năm 2018, thực hiện chủ trương sử dụng tiết kiệm tài nguyên, tăng tỷ lệ sử dụng phế thải công nghiệp, Công ty đã thực hiện nghiên cứu thử nghiệm các loại tro, xỉ, thạch cao phospho nhân tạo từ các nhà máy nhiệt điện và lựa chọn phương án đưa xỉ nhiệt điện đạm, thạch cao phospho nhân tạo vào làm phụ gia xi măng đảm bảo hiệu quả.

+ Đã thực hiện xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3, mở rộng khai trường lên các đỉnh 6, 7, 8, 9. Tiến hành xây dựng bản đồ thành phần hóa mỏ đá vôi, đá sét cho giai đoạn 2019 và 2020. Chủ động trong công tác tự khai thác sét cứng, nâng tỷ lệ sét cứng khai thác và sử dụng lên 50% đến 70%.

❖ *Những khó khăn, tồn tại*

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất, năm 2018 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2019 cụ thể như sau:

+ Chưa giải quyết triệt để được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền như: khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...

+ Tỷ lệ sử dụng clinker trong sản xuất xi măng đang cao hơn kế hoạch đối với xi măng PCB 40 dân dụng (tỷ lệ sử dụng 75,4% trên kế hoạch 66,5%). Tỷ lệ pha phụ gia đối với một số dòng sản phẩm xi măng chưa đạt theo kế hoạch, đặc biệt đối với tỷ lệ

pha tro bay, xỉ nhiệt điện. Cụ thể đối với dòng sản phẩm xi măng PCB 40 dân dụng tỷ lệ sử dụng phụ gia 22% trên kế hoạch là 30,9%; xi măng PCB 30 tỷ lệ sử dụng phụ gia là 41,3% trên kế hoạch 48%.

+ Năng suất của máy nghiền xi măng và máy đóng bao mặc dầu đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng và chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu xuất hàng tiêu thụ.

+ Tiêu hao than cho sản xuất clinker thực hiện trong năm 2018 đã giảm nhiều so với những năm trước, tuy nhiên để đạt được mục tiêu phấn đấu tiêu hao 815 kcal/kg clinker, Công ty còn cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

1.2 Báo cáo và đánh giá về công tác tiêu thụ xi măng và clinker

a) Kết quả tiêu thụ:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện			
			Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	TH.2018/ KH.2018 (%)	TH.2018/ TH.2017 (%)
Tiêu thụ						
Xi măng	Tấn	1.600.000	1.394.055	1.865.471	116,6%	133,8%
Clinker	Tấn	70.000	195.794	135.484	193,6%	69,2%

Năm 2018, thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cung vượt cầu - cạnh tranh khốc liệt. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ, gia tăng sản lượng và đã đạt được mức sản lượng tiêu thụ cao nhất từ trước đến nay. Tiêu thụ xi măng đạt 1.865.471 tấn, bằng 116,6% kế hoạch và tăng 33,8% so với sản lượng xi măng tiêu thụ năm 2017. Sản lượng Clinker tuy chưa đạt được như kế hoạch đề ra nhưng cũng đã giảm 30,8% so với thực hiện cùng kỳ.

b) Đánh giá những mặt đã làm được và những khó khăn, tồn tại cần khắc phục trong công tác tiêu thụ

❖ Những mặt đã làm được đối với công tác tiêu thụ

+ Năm 2018, Công ty thành công trong việc tăng sản lượng tiêu thụ xi măng và mở rộng phạm vi thị trường. Có thể nói năm 2018 là năm công tác tiêu thụ phát triển nhanh cả về quy mô sản lượng và quy mô địa bàn tiêu thụ.

+ Trong công tác tương tác, phối hợp giữa khối sản xuất – tiêu thụ: đã có sự phối hợp chặt chẽ trong điều hành sản xuất và tiêu thụ, các đơn vị luôn có sự phối hợp tốt,

cân đối tồn kho silo so với năng lực nghiền nhằm tăng năng lực xuất xi măng trong thời kì cao điểm. Cơ cấu sản phẩm tiêu thụ vừa tăng tính cạnh tranh (sản phẩm bao PCB40 PP, bao PCB40 PK cạnh tranh với phân khúc giá thấp) vừa đảm bảo đáp ứng nhu cầu khách hàng.

+ Trong công tác quản lý địa bàn tiêu thụ: Công ty đã cơ bản tái cơ cấu thị trường, định hình địa bàn tiêu thụ trong nước, mở rộng đối với các tỉnh Nam Miền Trung và Tây Nguyên. Ổn định hệ thống nhà phân phối, cơ bản phân chia vùng miền tiêu thụ cho từng Nhà phân phối, làm cơ sở để kiểm soát tiêu thụ, chính sách bán hàng, từng bước tăng hiệu quả cho hệ thống.

+ Đối với xi măng xuất khẩu: thực hiện song song hình thức xuất khẩu qua Nhà phân phối và hình thức xuất khẩu ủy thác, nâng sản lượng xi măng xuất khẩu so với năm 2017.

❖ Một số khó khăn, tồn tại cần khắc phục

+ Tại địa bàn Miền Trung, đây là địa bàn Công ty mới được quay lại sau thời gian dài rút ra theo định hướng chiến lược của Vicem, do đó Công ty mất nhiều thời gian, chi phí để tiếp cận và gia nhập vào thị trường này nhằm tạo niềm tin, ổn định cho các Nhà phân phối để cùng thực hiện chiến lược phát triển dài hạn tại thị trường này.

+ Mặc dù vị trí Nhà máy cách cảng biển Nghi Sơn khoảng 10 – 15 km nhưng chi phí trung chuyển, cảng vụ khá cao, hạn chế việc cung ứng kịp thời nhu cầu vào các địa bàn Nam Miền Trung, Tây Nguyên. Đầu nối đường sắt có lợi thế với hệ thống xuất trực tiếp tại Nhà máy nhưng lưu lượng vận chuyển đường sắt còn thấp, giá thành cao.

+ Đối với xi măng xuất khẩu, Công ty đã cơ cấu lại Nhà phân phối xuất khẩu nhưng với hạ tầng, kho bãi hiện tại khó đáp ứng được các tàu đặt hàng trên 30.000 tấn, điều này ảnh hưởng đến việc tiêu thụ xi măng xuất khẩu.

+ Với áp lực về sản lượng tiêu thụ trong khi thị phần đang đối mặt với sự sụt giảm, các công ty xi măng nằm ở phân khúc xi măng giá cao như Nghi Sơn, Bim Sơn và Hoàng Mai chưa giữ được sự phối hợp tích cực, mặt bằng giá thời gian qua có nhiều biến động theo chiều hướng giảm tại địa bàn Nghệ An.

+ Thời tiết tại các địa bàn chính như Nghệ An, Hà Tĩnh diễn biến bất lợi, mưa bão nhiều, ảnh hưởng đến hiệu quả tiêu thụ sản phẩm tại địa bàn chính và logistic vào khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, xuất khẩu.

+ Thị trường chịu sự cạnh tranh quyết liệt từ các nhà sản xuất xi măng, đặc biệt

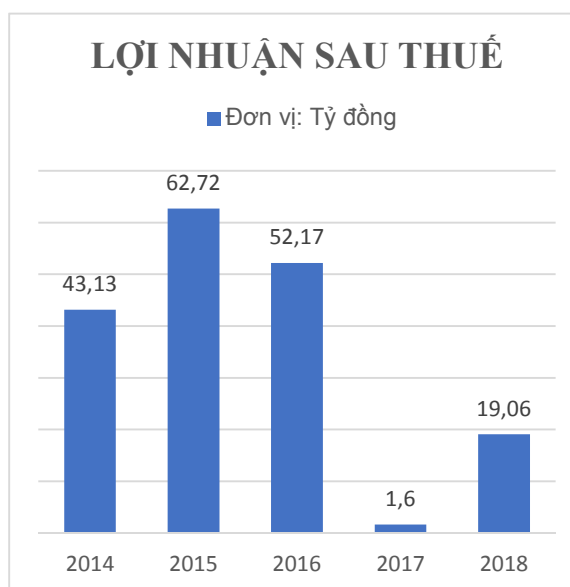
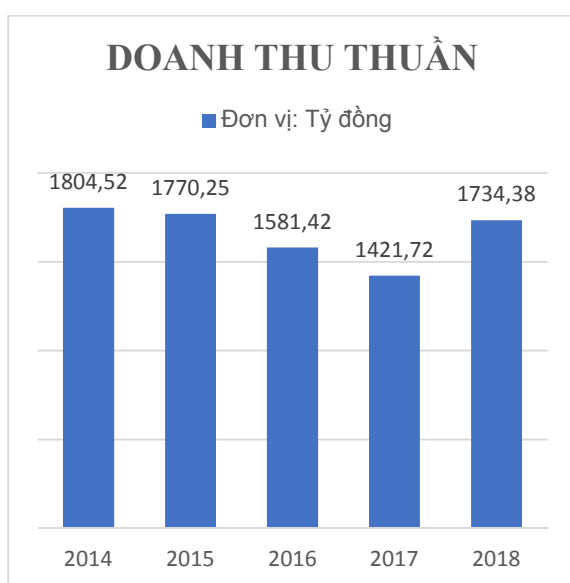
tại các thị trường mang lại hiệu quả cho Công ty như các thị trường Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa.

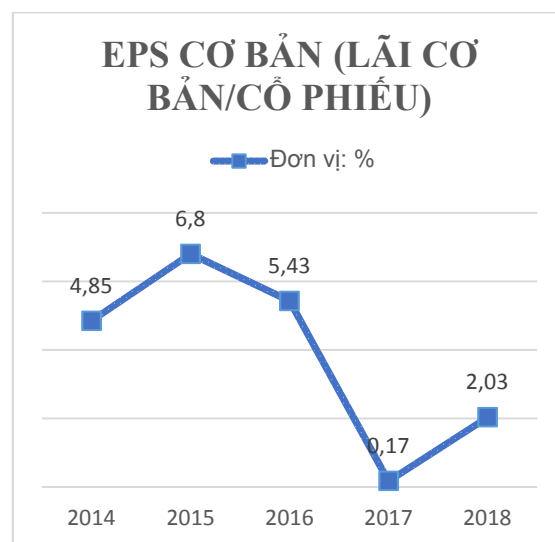
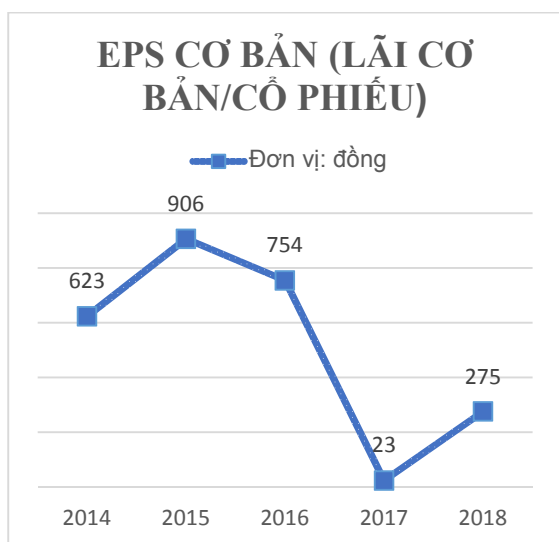
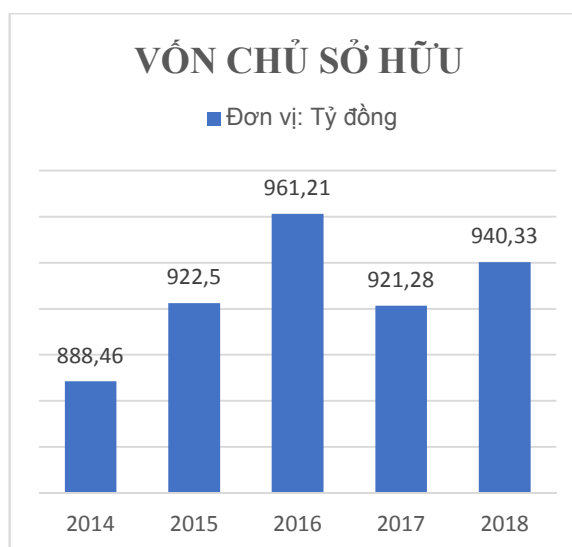
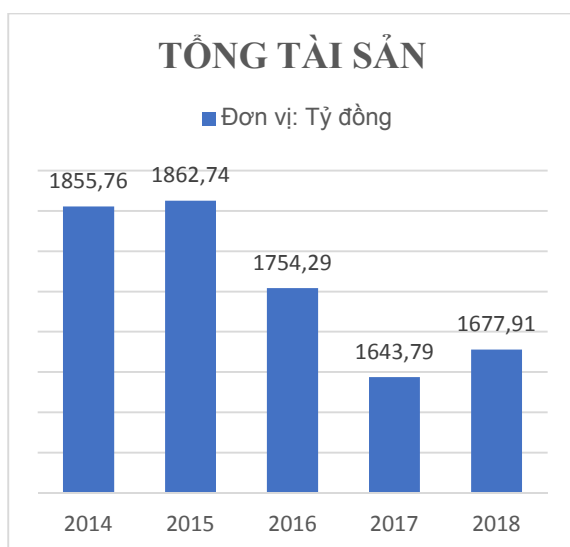
+ Việc kiểm soát tải trọng trên tuyến đường các xe nhận xi măng Hoàng Mai tiêu thụ ảnh hưởng lớn đến sản lượng xi măng Vicem Hoàng Mai tiêu thụ.

1.3 Báo cáo và đánh giá về công tác tài chính

a) Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	1.804,52	1.770,25	1.581,42	1.421,72	1.734,38
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	43,13	62,72	52,17	1,60	19,06
Tổng tài sản	Tỷ VNĐ	1.855,76	1.862,74	1.754,29	1.643,79	1.677,91
Vốn chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	888,46	922,50	961,21	921,28	940,33
EPS cơ bản	VNĐ	623	906	754	23	275
ROE	%	4,85	6,80	5,43	0,17	2,03





b) Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 đã đề ra

Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	1.501,9	1.734,38	115,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	23	23,19	100,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	18,41	19,06	103,5%

So sánh tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành xi măng, tính đến cuối năm 2018, cả doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VICEM Hoàng Mai đều đạt mức kế hoạch đặt ra của Đại hội cổ đông năm 2018, trong đó doanh thu thuần đạt 1.734,38 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch đề ra 15,5%. Lợi nhuận sau thuế đạt 19,06 tỷ đồng, vượt mức 3,5% so với kế hoạch đề ra.

c) Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	2017	2018	Tăng trưởng 2018 so với 2017
Doanh thu thuần	Tỷ VNĐ	1.422	1.734,38	122%
Lợi nhuận gộp	Tỷ VNĐ	189,64	209,48	110,5%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ VNĐ	4,19	19,63	468,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	6,11	23,19	379,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	1,61	19,06	1183,8%

So sánh một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 so với năm trước liền kề

Qua bảng phân tích trên, có thể nhận thấy các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Vicem Hoàng Mai trong năm 2018 đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần của công ty tăng 312,38 tỷ đồng, tương ứng tăng 22% so với doanh thu năm trước liền kề; lợi nhuận gộp tăng hơn 19,84 tỷ đồng, tương ứng 10,5% so với lợi nhuận gộp 2017; lợi nhuận thuần tăng 15,44 tỷ đồng, bằng 468,5% so với chỉ tiêu tương ứng của năm liền trước; lợi nhuận sau thuế tăng cao đột biến, đạt 19,06 tỷ đồng, gấp 11,8 lần so với năm 2017. Các chỉ số tài chính đều tăng mạnh thể hiện một năm thăng hoa trong hoạt động kinh doanh của Vicem Hoàng Mai.

d) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	TH2018/ TH2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,73	0,87	119%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,37	0,51	138%
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,56	0,56	100%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,78	0,78	100%
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	5,46	6,02	110%
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	lần	0,84	1,04	124%
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,11	1,1	1.000%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,17	2,03	1.194%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	0,1	1,14	1.140%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,29	1,13	390%

1.4 Báo cáo và đánh giá về công tác đầu tư xây dựng*❖ Về tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư*

Trong kỳ, công ty đã tắt toán khoản vay dài hạn cho quỹ Co-óét. Tới thời điểm 31/12/2018 số dư vay ngoại tệ của Vicem Hoàng Mai là 0 đồng.

Về tình hình huy động vốn, nhằm mục đích tìm kiếm nguồn tài trợ cho phương án sản xuất kinh doanh, công ty đã tiến hành ký kết các hợp đồng tín dụng ngắn hạn

với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng: Ngân hàng công thương Bắc Nghệ An hạn mức 300 tỷ đồng, ngân hàng BIDV chi nhánh Phủ Diễn hạn mức 200 tỷ đồng, ngân hàng ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành Công - Hà Nội hạn mức 150 tỷ đồng. Số dư nợ vay và nợ tại ngày 31/12/2018 là 286,704 tỷ đồng. Toàn bộ là dư nợ vay ngắn hạn được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh.

❖ *Về tình hình thực hiện các dự án lớn*

Lũy kế thực hiện đầu tư xây dựng năm 2018 đạt 102,3% kế hoạch năm 2018. Các dự án trong năm kế hoạch phần lớn đã được hoàn thành đạt tiến độ, khối lượng. Tuy nhiên, Dự án xi măng Hoàng Mai 2, Dự án thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thắng, mỏ đá sét Đá Bạc chưa hoàn thành kế hoạch đề ra.

+ Đối với Dự án xi măng Hoàng Mai 2, ngày 04 tháng 01 năm 2019, Thủ Tướng Chính phủ đã có văn bản số 12/TTg-CN thống nhất phân kỳ đầu tư; Công ty đang tiếp tục làm việc với cấp có thẩm quyền thống nhất địa điểm xây dựng đồng thời đang triển khai hoàn thiện FS dự án xi măng Hoàng Mai 2.

+ Công tác thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thắng, mỏ đá sét Đá Bạc: Công tác đền bù mặt bằng thi công thăm dò mỏ sét còn có vướng mắc, phải thỏa thuận từng bước với các hộ dân. Đến nay đã triển khai xong công tác áp giá đền bù với các hộ dân để phục vụ thi công.

+ Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ sét Quỳnh Vinh: Thời gian thẩm định và phê duyệt Đề án thăm dò nâng cấp tại Tổng cục địa chất khoáng sản Việt Nam mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến việc triển khai các công việc tiếp theo của dự án. Hiện nay, Công ty đang tiến hành thẩm định, trình phê duyệt dự toán thăm dò trên cơ sở Đề án thăm dò được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam chấp thuận.

+ Dự án xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3: đã thi công xong cơ bản và chuẩn bị tổ chức bàn giao.

+ Dự án xây dựng lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Đã thi công xong và chạy thử đạt yêu cầu trong tháng 11/2018, hiện tại Công ty đang làm thủ tục kết nối với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An.

2. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1 Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

❖ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, doanh thu kinh doanh đạt 1734,38 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 19,06 tỷ đồng, tăng gấp 11,8 lần so với năm 2017 và tăng 3,5% so với kế hoạch đề ra. Ban giám đốc và các phòng ban đã nỗ lực hết sức để có được một tỷ lệ hoàn thành kết quả cao.

❖ Về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

+ Cơ cấu Ban Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty;
+ Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án của các doanh nghiệp lớn.

+ Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

+ Trong năm 2018, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Ban quản lý điều hành đã luôn bám sát Nghị quyết của HĐQT đề ra, định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT; tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

+ Tuân thủ theo đúng trình tự biểu quyết và khi quyết định những vấn đề quan trọng đều đạt được sự nhất trí tối đa.

+ Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên Ban Giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban hành các chính sách thu hút khách hàng; các giải pháp cải cách tiền lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất; các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất... Công tác đầu tư mua sắm cũng được quản trị chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Ban Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới phù hợp với

nhu cầu thị trường và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.

+ Ban Giám đốc cũng đã phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2018, căn cứ vào khả năng huy động thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 như sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
I	Sản lượng sản xuất		
1	Clinker	Tấn	1.400.000
2	Xi măng sản xuất tại nhà máy	Tấn	1.800.000
II	Sản lượng tiêu thụ		
1	Clinker	Tấn	40.000
2	Xi măng	Tấn	1.980.000
III	Kết quả sản xuất kinh doanh		
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	1.877.783
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	38.009
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	30.407
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	45.502
6	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đồng	122.450

Để hoàn thành kế hoạch đề ra, Công ty xác định sẽ phải tập trung mọi nguồn lực và ngay từ những ngày đầu năm 2019, Công ty đã xây dựng và thực hiện ngay những giải pháp chính sau:

❖ ***Đối với lĩnh vực sản xuất***

+ Ổn định chất lượng xi măng với chất lượng theo các chỉ tiêu chất lượng quy định chung của Tổng công ty, duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

+ Tập trung đầu tư chiều sâu để giải quyết các nút thắt công nghệ còn tồn tại (khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...)

+ Tiến hành thực hiện cải tạo vách ngăn máy nghiền bi để tăng năng suất đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm.

+ Thực hiện cải tạo, chuyển đổi lọc bụi tĩnh điện khu vực nghiền xi măng sang hệ thống lọc bụi túi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Hoàn thiện các thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng để mở rộng khai trường khai thác đá vôi. Khảo sát tính toán, tổ chức lại việc khoan, khai thác, bốc xúc vận chuyển đá vôi, đá sét theo hướng tự gia công sét cứng để đáp ứng chất lượng và khối lượng đá vôi, đá sét đưa vào sản xuất, tiết giảm các chi phí khai thác.

+ Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị trong các đợt sửa chữa lớn năm 2019 đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo năng suất và thời gian huy động thiết bị lò nung hoạt động với năng suất và số ngày hoạt động không thấp hơn năm 2018.

+ Xây dựng các chương trình, giải pháp tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu. Thực hiện sử dụng các chất thải ngành công nghiệp khác thay thế; phấn đấu sử dụng 7% đến 10% đối với xỉ nhiệt điện; 3% đến 5% đối với tro bay trong sản xuất xi măng.

❖ ***Đối với công tác tiêu thụ sản phẩm***

+ Cam kết và thực hiện cam kết đáp ứng đầy đủ, kịp thời số lượng, chất lượng xi măng cho khách hàng.

+ Điều hành hiệu quả chính sách bán hàng theo đúng định hướng kế hoạch được Tổng công ty chỉ đạo.

+ Tiếp tục thực hiện việc nâng thị phần trong nước, tái cơ cấu lại sản phẩm theo mô hình tăng trưởng theo chiều sâu song song với việc giữ vững và phát triển thị trường Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh; tiếp tục mở rộng và đưa sản phẩm vào thị trường miền Trung và Tây Nguyên theo định hướng chỉ đạo của Vicem, đặc biệt đối với các thị trường có độ phủ sản phẩm xi măng Vicem thấp.

+ Ngay từ đầu năm 2019, triển khai chính sách bán hàng từng quý, cả năm với từng Nhà phân phối, cửa hàng cấp 2, triển khai chương trình tích lũy điểm với nhà xe, nhà thầu dân dụng, lái xe...

+ Tiếp tục ổn định và phát triển hệ thống phân phối mới tại địa bàn Miền Trung và Tây Nguyên.

+ Tìm các giải pháp tối ưu vận tải đường biển để vừa cung cấp xi măng kịp thời cho thị trường Nam Miền Trung và Tây Nguyên vừa đảm bảo hiệu quả, thực hiện định hướng phát triển thị trường của Công ty trong những năm tiếp theo.

+ Thực hiện đề án xây dựng hệ thống quản lý khách hàng số, quản lý bán hàng điện tử, tạo sự thuận tiện, đơn giản hóa cho khách hàng, cập nhật thông tin và khuyến khích mua hàng.

❖ Đối với công tác quản lý doanh nghiệp

+ Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch và các nguồn lực của Công ty, các đơn vị trong Công ty.

+ Rà soát tổng tài sản, phân tích tài sản không sinh lời, cơ cấu vốn vay, hàng tồn kho để cơ cấu lại tài chính của Công ty.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục rà soát hàng hoá tồn kho, sử dụng vật tư phụ tùng tồn kho với mục tiêu tiếp tục giảm giá trị hàng tồn kho tối đa trong năm 2019.

+ Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

+ Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả đồng vốn để tăng hiệu quả hoạt động tài chính.

+ Dựa trên các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 để tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích hiệu quả kinh tế ngay từ đầu năm để các đơn vị trong công ty triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chỉ tiêu được giao.

+ Thành lập các xí nghiệp và thực hiện giao khoán công việc, chi phí nhằm tăng tính chủ động của các đơn vị, nâng cao hiệu quả Công ty.

❖ Về công tác đầu tư xây dựng

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền Xi măng Hoàng Mai 2: trong năm 2019 sẽ hoàn thiện công tác lập FS trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép đầu tư và triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai kế hoạch thực hiện các gói thầu thuộc Dự án.

Riêng đối với hai hạng mục công trình là khảo sát thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thăng và mỏ sét Đá Bạc, phần đầu thực hiện hoàn thành trong năm 2019.

+ Tiếp tục triển khai các hạng mục trong kế hoạch đối với các dự án nhóm C bao gồm: Dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác Mỏ đá vôi Hoàng Mai B và Mỏ sét Quỳnh Vinh.

+ Thực hiện sửa chữa các công trình, vật kiến trúc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch năm 2019 được phê duyệt.

❖ Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp và các công tác khác

+ Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu Công ty, trong đó hoàn thiện mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động, tập trung thực hiện phương án giải quyết lao động dôi dư, để đạt được mục tiêu tăng năng suất lao động từ 7 đến 10%, tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

+ Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong công ty, đảm bảo trong năm 2019, không để xảy ra bất cứ tai nạn rủi ro nào đối với người và thiết bị.

+ Tổ chức đảng, công đoàn cùng chuyên môn phối hợp chặt chẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong toàn công ty với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2019 đã đề ra.

C.
QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP

1. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO**❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT
1	Ông Đỗ Tiến Trình	Ủy viên HĐQT	15/03/2016 08/02/2018
2	Ông Nguyễn Công Hòa	Ủy viên HĐQT	01/04/2008 08/02/2018
3	Ông Đậu Phi Tuấn	Ủy viên HĐQT	25/04/2013 24/04/2018
4	Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	08/02/2018
5	Ông Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	01/04/2008
6	Ông Trần Việt Hồng	Ủy viên HĐQT	08/02/2018
7	Ông Lê Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	08/02/2018
8	Ông Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	03/11/2014

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm:**1. ÔNG ĐINH QUANG DŨNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 14/8/1964
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không Nơi sinh: Lạng Sơn
- Số CMND : 020064000034 Ngày cấp : 03/4/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ thường trú: P408 Tòa nhà 17T8 Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat.

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/1988-02/1989	Công ty xi măng Hoàng Thạch - Hải Dương	Kỹ thuật viên xưởng Đóng bao
02/1989-4/1997	Công ty xi măng Hoàng Thạch-Hải Dương	Kỹ thuật viên Văn phòng công nghệ
4/1997-02/2002	Công ty Xi măng Bút Sơn-Hà Nam	Trưởng Phòng kỹ thuật Sản xuất
02/2002-04/2003	Công ty xi măng Tam Điệp- Ninh Bình	Phó Giám đốc Công ty
4/2003-12/2009	Công ty xi măng Bút Sơn-Hà Nam	Phó Giám đốc Công ty
12/2009-4/2013	Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam	Trưởng phòng Tổ chức và Nguồn Nhân lực
5/2013 đến nay	Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
9/2010 đến nay	Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam	Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Tổng Công ty
02/2018 đến nay	Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số cổ phần HOM nắm giữ: **20.437.800** cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : **20.437.800** cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

2. ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT - ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 17/06/1972
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND : 181791170 Ngày cấp : 09/10/2006 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai - TX Hoàng Mai - Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, thạc sỹ kinh tế.

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/1995 - 10/1995	Nhà máy Dệt kim Hoàng Thị Loan	Thống kê phân xưởng may
10/1995 - 09/1996	Nhà máy Dệt kim Hoàng Thị Loan	Kế toán viên
09/1996 - 06/1998	Công ty xi măng Nghệ An (nay là Công ty Xi măng Hoàng Mai)	Kế toán viên
06/1998 - 06/2005	Công ty Xi măng Hoàng Mai	Phó P.Tài chính Kế toán
07/2005 - 03/2006	Công ty Xi măng Hoàng Mai	Phụ trách P.Tài chính Kế toán
04/2006 - 10/2007	Công ty Xi măng Hoàng Mai	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
10/2007 - 03/2008	Công ty CP Xi măng Hoàng Mai	Kế toán trưởng
04/2008 - 12/2010	Công ty CP Xi măng Hoàng Mai	Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT
01/2011 – 10/2017	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT
10/2017 - nay	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.223.200 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 5.200 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 10.218.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

3. ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG - ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 20/07/1971
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không Nơi sinh: Hưng Yên
- Số CMND : 187647123 Ngày cấp : 18/03/2014 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Thị xã Hoàng Mai – Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế tạo máy

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/1995 - 10/1999	Công ty xi măng Hoàng Thạch.	Kỹ thuật viên cơ khí, xưởng Cơ khí
10/1999 - 12/2000	Công ty xi măng Hoàng Thạch	Trưởng ca, xưởng Cơ khí
01/2001 - 11/2004	Công ty Xi măng Hoàng Mai	Phó quản đốc xưởng Cơ khí
11/2004 - 12/2007	Công ty Xi măng Hoàng Mai	Quản đốc xưởng Cơ khí
01/2008 - 01/2013	Công ty Xi măng Hoàng Mai	Trưởng phòng Cơ điện
02/2013 – 02/2018	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
02/2018 - nay	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Phó Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.218.000 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 10.218.000 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 500 cổ phần

5. ÔNG TRẦN ĐỨC DANH - ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 06/07/1973
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không Nơi sinh: Đô Lương – Nghệ An
- Số CMND: 182308718 Ngày cấp: 20/04/2005 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Yên Sơn – Đô Lương – Nghệ An

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1993 - 1995	Đi bộ đội	Bộ đội
1996 – đến nay	Nghệ An	Giám đốc Công ty TNHH Trường An
11/2014 đến nay	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

❖ BAN GIÁM ĐỐC:

TT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng giám đốc	
2	Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 05/02/2018
3	Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/02/2018

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban giám đốc đương nhiệm:

1. ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT - TỔNG GIÁM ĐỐC: Lý lịch như trên

2. ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC: Lý lịch như trên

3. ÔNG ĐẶNG NGỌC LONG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 22/09/1965

- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không Nơi sinh: Nghệ An

- Số CMND : 181901530 Ngày cấp : 05/05/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An

- Địa chỉ thường trú: Phường Hưng Bình – TP Vinh – Nghệ An

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức danh
05/1988 - 5/1992	Nhà máy Rượu 3/2 Nghĩa Đàn thuộc Sở Công nghiệp Nghệ An	Kế toán trưởng
05/1992 - 12/1992	Sở Công nghiệp Nghệ An	Chuyên viên
1993 - 2000	Công ty Khoáng sản Nghệ An	Kế toán trưởng
2000 - 2006	Công ty Khoáng sản Nghệ An	Giám đốc
2006 - 2010	Sở Tài nguyên môi trường Nghệ An	Phó Giám đốc
2010 - 9/2016	Ban Quản lý dự án Đông Hội thuộc Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam	Giám đốc
09/2016 đến nay	Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai	Phó Tổng giám đốc

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

❖ **KẾ TOÁN TRƯỞNG:**

1. BÀ ĐẬU THỊ NGÀ - KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Giới tính: Nữ Ngày tháng năm sinh : 15/02/1980
- Số CMND: 182433886 Ngày cấp: 6/6/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An
- Nơi sinh : Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối 5, Phường Quỳnh Thiện, TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
- Trình độ: Cử nhân kinh tế, thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức danh
09/2003 - 12/2010	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán
12/2010 - 6/2011	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng, Thư ký HĐQT, Kế toán tổng hợp Phòng Tài chính Kế toán
07/2011 – 11/2013	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Phó phòng Tài chính Kế toán, Thư ký HĐQT
11/2013 - 12/2014	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Phụ trách phòng Tài chính Kế toán
1/2015 - 10/2016	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
10/2016 – đến nay	Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	Kế toán trưởng

Số cổ phần HOM nắm giữ: 4.800 cổ phần

Trong đó :

- + Sở hữu cá nhân : 4.800 cổ phần
- + Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

❖ **BAN KIỂM SOÁT:**

TT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	25/04/2017 24/04/2018
2	Ông Nguyễn Hữu Thất	Thành viên Ban kiểm soát	28/03/2012 24/04/2018
3	Ông Lê Văn Chiên	Thành viên Ban kiểm soát	01/04/2008 24/04/2018
4	Bà Thái Thị Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	23/04/2014 24/04/2018
5	Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	16/04/2015 24/04/2018
6	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	24/04/2018
7	Ông Cao Trọng Nghiênn	Thành viên Ban kiểm soát	24/04/2018
8	Ông Thái Huy Chương	Thành viên Ban kiểm soát	24/04/2018

*Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm:***1. ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 23/04/1987
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND: 186304746 cấp ngày: 01/08/2016 tại CA Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Khối Bắc Mỹ, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2009-06/2011	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Chuyên viên Marketing
07/2011 - 8/2014	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Kế toán tổng hợp – Xi nghiệp tiêu thụ
08/2014 - 11/2014	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Kế toán vật tư – Phòng Tài chính Kế toán Công ty
12/2014 – 4/2018	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Kế toán tổng hợp
4/2018 đến nay	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai	Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

2. ÔNG CAO TRỌNG NGHIÊN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 04/07/1982
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND (hộ chiếu): B9445814 cấp ngày: 22/7/2014 tại Cục Quản
lý xuất nhập cảnh
- Địa chỉ thường trú: Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Nghệ An.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
9/2006 - 8/2008	Công ty CP bao bì Sông Lam	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
9/2008 - 3/2018	Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
04/2018 - nay	Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai	Nhân viên phòng Kế hoạch Chiến lược - Thành viên Ban

kiểm soát

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

3. ÔNG THÁI HUY CHƯƠNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 22/9/1971
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND: 186528964 cấp ngày: 30/9/2014 tại CA tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1995 - 1996	Công ty XNK Thủ công và Mỹ nghệ Nghệ An	Nhân viên
1996 - 2010	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nhân viên
2011 - 2013	Ban QLDA gạch không nung Đông Hồi - TCT CN xi măng Việt Nam	Phó phòng
2014 – đến nay	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nhân viên Xí nghiệp tiêu thụ
4/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	TV Ban kiểm soát

Số cổ phần HOM nắm giữ: 1.300 cổ phần

Trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 1.300 cổ phần

+ Đại diện cho vốn Nhà nước của Vicem : 0 cổ phần

Những người liên quan nắm giữ : 800 cổ phần

2. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

❖ Các nghị quyết trong năm của ĐHĐCĐ

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2018; - Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty; - Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017; - Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018; - Thông qua thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018; - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017; - Thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về chủ trương tăng vốn điều lệ; - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017; - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; - Chuẩn thuận kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 3 (2018-2013).

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**❖ Các nghị quyết trong năm của HĐQT**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	Nghị quyết		
1	05/NQ- XMHM- HĐQT	16/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua các nội dung chính của HĐ bán xi măng xuất khẩu sang thị trường Philippines. - Thống nhất ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Việt, UV HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp ký Hợp đồng mua bán xi măng với Công ty VINAPHIL CEMENT TRADING CORPORATION, Philippines.
2	07/NQ- XMHM- HĐQT	19/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất đề nghị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có phương án thỏa thuận nhân sự giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai để Công ty sớm kiện toàn Hội đồng quản trị. - Thống nhất chủ trương đề nghị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thỏa thuận để bổ sung 02 Ủy viên Hội đồng quản trị và cử đại diện ủy quyền quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng
3	11/NQ-XMHM- HĐQT	08/02/2018	<p>Thống nhất bầu ông Đinh Quang Dũng – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), người đại diện ủy quyền quản lý 204.918.000.000 đồng phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai (chiếm 28,46% vốn điều lệ) tham</p>

			gia Hội đồng quản trị và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018.
4	12/NQ-XMHHM-HĐQT	08/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý để ông Nguyễn Công Hòa và ông Đỗ Tiến Trình thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 08/02/2018. - Thống nhất bầu ông Trần Việt Hồng – Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty, người đại diện ủy quyền quản lý 39.600.000.000 đồng phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai (chiếm 5,5% vốn điều lệ) giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018. - Thống nhất bầu ông Lê Trung Kiên – Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Quản đốc xưởng Khai thác, người đại diện ủy quyền quản lý 39.600.000.000 đồng phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai (chiếm 5,5% vốn điều lệ) giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018.
5	13/NQ-XMHHM-HĐQT	08/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Trần Việt Hồng – Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. - Thống nhất phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh

			doanh năm 2018 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu: Sản xuất 1,30 triệu tấn Clinker và 1,55 triệu tấn xi măng; Tiêu thụ 100 nghìn tấn clinker và 1,55 triệu tấn xi măng (bao gồm cả xuất khẩu) ...
6	18/NQ-XMHHM-HĐQT	14/03/2018	Thông nhất bổ nhiệm lại ông Nguyễn Đình Dũng, Cử nhân Luật Kinh tế, Giám đốc Xí nghiệp Tiêu thụ, giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Tiêu thụ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 15/03/2018.
7	22/NQ-XMHHM-HĐQT	22/03/2018	Thông nhất thông qua các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai trình Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam thỏa thuận.
8	24/NQ-XMHHM-HĐQT	22/03/2018	Thông nhất thông qua dự kiến kết quả SXKD quý I/2018 và kế hoạch SXKD quý II/2018.
9	28/NQ-XMHHM-HĐQT	28/03/2018	Thông nhất điều chỉnh một số chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2017 của Công ty.
10	46/NQ-XMHHM-HĐQT	14/06/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận các nội dung, điều, khoản của Dự thảo hợp đồng tư vấn chuyên giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và Dự thảo hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp do Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai trình Hội đồng quản trị. - Thông nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng với Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam 02 hợp đồng tư vấn trên theo các điều kiện và điều khoản đã được HĐQT thống nhất.

11	48/NQ-XMHHM- HĐQT	22/06/2018	<p>- Thống nhất thông qua lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, triển khai thực hiện nội dung đã được Hội đồng quản trị quyết nghị trên đây theo đúng quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.</p>
12	50/NQ-XMHHM- HĐQT	06/07/2018	<p>Thống nhất phê duyệt chủ trương tổ chức chương trình khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp tại các nước châu Mỹ cho cán bộ lãnh đạo, Nhà phân phối chính Xi măng Vicem Hoàng Mai.</p>
13	53/NQ-XMHHM- HĐQT	20/07/2018	<p>Thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại ông Trần Việt Hồng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.</p>
14	60/NQ-XMHHM- HĐQT	10/08/2018	<p>Thống nhất chủ trương đề xuất Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chấp thuận, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, phân kỳ đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2.</p>
15	61/NQ-XMHHM- HĐQT	10/08/2018	<p>- Thống nhất thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch SXKD quý III/2018.</p> <p>- Xây dựng các phương án sử dụng đa dạng hóa các chủng loại than khác nhau và tăng lượng dự trữ than trong kho đảm bảo duy trì sản xuất.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện rà soát kỹ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Thực hiện rà soát công tác cán bộ, củng cố lực lượng nhân sự cho dự án Xi măng Hoàng Mai 2. - Hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống quan trắc khí thải online theo quy định của pháp luật. - Thống nhất chuyển giao phần đường chính tuyến (nằm ngoài hàng rào nhà máy) nối từ Đường sắt Quốc gia vào đến nhà máy với chiều dài 435,6m cùng các thiết bị, phụ kiện kèm theo cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Phần còn lại gồm đường sắt trong hàng rào nhà máy cùng các thiết bị, phụ kiện, hệ thống thông tin tín hiệu, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai sẽ để lại sử dụng và vận hành theo hình thức cho VNR mượn để sử dụng và khai thác vận tải hàng hóa cho Công ty như hiện nay đang thực hiện.
16	65/NQ-XMHHM-HĐQT	04/10/2018	<p>Thống nhất bổ nhiệm lại ông Trần Việt Hồng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.</p>
17	68/NQ-XMHHM-HĐQT	10/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua kết quả SXKD quý III năm 2018 và kế hoạch SXKD quý IV/2018. - Thống nhất kiện toàn lại bộ máy, đội ngũ làm công tác đầu tư xây dựng, tăng cường nhân lực để đáp ứng công tác đầu tư.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương tái cơ cấu Xí nghiệp Bê tông và Xây dựng Hoàng Mai. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thuê đơn vị tư vấn định giá tài sản, xây dựng phương án thực hiện. - Thống nhất chủ trương tái cơ cấu xưởng Khai thác trên cơ sở sử dụng tối đa nguồn nhân lực và tài sản, thiết bị hiện có.
18	75/NQ-XMHHM-HĐQT	26/11/2018	Thống nhất triển khai thực hiện thăm dò nâng cấp trữ lượng các khối tài nguyên 8-333, 9-333, 10-333, 11-333 mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
II	Quyết định		
1	06/QĐ-XMHHM-HĐQT	17/01/2018	Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai thống nhất ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Việt, UV HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp ký Hợp đồng mua bán xi măng với Công ty VINAPHIL CEMENT TRADING CORPORATION, Philippines.
2	19/QĐ-XMHHM-HĐQT	14/03/2018	Quyết định Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Đình Dũng, Giám đốc Xí nghiệp Tiêu thụ Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Tiêu thụ Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 15/03/2018.
3	31/QĐ-XMHHM-HĐQT	30/03/2018	Quyết định phê duyệt mức khoán chi phí Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - XN Tiêu thụ: Mức khoán tối đa bằng 2.500 đồng/ tấn xi măng tiêu thụ và gia công; - XN Bê tông & Xây dựng: Mức khoán tối đa bằng 03% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bê tông thương phẩm;

			- Xưởng Khai thác: Mức khoán tối đa bằng 03% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ sản phẩm vật liệu xây dựng sản xuất tại Xưởng Khai thác.
4	34/QĐ-XMHHM-HĐQT	24/04/2018	Quyết định phê duyệt mức lương đối với ông Nguyễn Văn Tuấn – Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, tại ngạch lương 7, thang bảng lương của Công ty.
5	51/QĐ-XMHHM-HĐQT	06/07/2018	Quyết định về việc cho cán bộ nghỉ phép năm 2018 để đi du lịch nước ngoài.
6	66/QĐ-XMHHM-HĐQT	05/10/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm lại ông Trần Việt Hồng - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

❖ Thay đổi nhân sự của HĐQT trong năm

- Ông Nguyễn Công Hòa thôi nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 08/02/2018;
- Ông Đỗ Tiến Trình thôi nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 08/02/2018;
- Ông Đậu Phi Tuấn thôi nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;
- Ông Đinh Quang Dũng được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 08/02/2018;
- Ông Trần Việt Hồng được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 08/02/2018;
- Ông Lê Trung Kiên được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 08/02/2018.

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức **05** cuộc họp trực tiếp và **11** cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng quý, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT thông qua.

HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2018 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc năm 2018

HĐQT thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp HĐQT, các đồng chí trong Ban Tổng giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2018, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng sản xuất, tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

❖ Thay đổi thành viên Ban kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Ông Nguyễn Hữu Thất thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Ông Lê Văn Chiên thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi

măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Ông Nguyễn Xuân Sơn thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Bà Thái Thị Thu Hương thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Ông Nguyễn Văn Tuấn được bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Ông Cao Trọng Nghiên được bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018;

- Ông Thái Huy Chương được bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 24/04/2018.

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban Kiểm soát với Công ty.

Năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp để đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong hoạt động của Hội đồng quản trị; việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành, của Ban Giám đốc Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm Soát đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát tập trung: Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ, các quyết định, chỉ thị của Tổng Công ty đối với Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2018;

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;

+ Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám

sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành Công ty; duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ. Năm 2018, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

+ Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;

+ Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;

+ Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm;

+ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát);

+ Ban kiểm soát sẽ thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty;

+ Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

❖ Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2018, HĐQT đã thảo

luyện và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- + Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2018;
 - + Nghị quyết về thống nhất thông qua các nội dung chính của Hợp đồng bán xi măng xuất khẩu sang thị trường Philippines;
 - + Nghị quyết thống nhất bầu ông Đinh Quang Dũng – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tham gia Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 08/02/2018;
 - + Nghị quyết thống nhất đề ông Nguyễn Công Hòa và ông Đỗ Tiến Trình thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 08/02/2018;
 - + Nghị quyết thống nhất bầu ông Trần Việt Hồng – Phó Tổng giám đốc Công ty và ông Lê Trung Kiên – Quản đốc Xưởng Khai thác tham gia Hội đồng quản trị và giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 08/02/2018;
 - + Nghị quyết thống nhất chủ trương đề xuất Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chấp thuận, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, phân kỳ đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2;
 - + Nghị quyết thống nhất chủ trương tái cơ cấu Xí nghiệp Bê tông và Xây dựng Hoàng Mai và Xưởng Khai thác trên cơ sở sử dụng tối đa nguồn nhân lực và tài sản, thiết bị hiện có;
 - + Nghị quyết thống nhất triển khai thực hiện thăm dò nâng cấp trữ lượng các khối tài nguyên 8-333, 9-333, 10-333, 11-333 mở sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018;

Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

❖ Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc

- + Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2018, Tổng giám

đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty hoàn thành kế hoạch được giao, đưa các chỉ tiêu sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng trở lại, đặc biệt đạt những cột mốc ấn tượng về sản xuất, tiêu thụ; đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

+ Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Làm việc với các ngân hàng để được tiếp cận các gói vay có lãi suất ưu đãi, đơn đốc thu hồi công nợ và linh hoạt trong việc sử dụng dòng tiền nhằm giảm chi phí tài chính. Chỉ đạo việc phân tích hoạt động kinh tế để tìm ra giải pháp tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo công tác thu hồi công nợ xi măng giao thông nông thôn.

5. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Bắt đầu từ tháng 5/2018, Công ty áp dụng mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 24/04/2018. Chi tiết như sau:

- + Chủ tịch HĐQT mức: 8.000.000 đồng/người/tháng
- + Các thành viên HĐQT mức: 6.000.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng

ST T	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Mức thù lao/tháng (triệu đồng)	Tổng (triệu đồng)
1	Đình Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	3	6.000.000	18.000.000
			8	8.000.000	64.000.000
2	Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT - TGD	4	5.000.000	20.000.000
			8	6.000.000	48.000.000
3	Trần Việt Hồng	Ủy viên HĐQT – PTGD	3	5.000.000	15.000.000
			8	6.000.000	48.000.000

4	Lê Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	3	5.000.000	15.000.000
			8	6.000.000	48.000.000
5	Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	4	5.000.000	20.000.000
			8	6.000.000	48.000.000
6	Nguyễn Công Hòa	Ủy viên HĐQT	1	5.000.000	5.000.000
7	Đậu Phi Tuấn	Ủy viên HĐQT	4	5.000.000	20.000.000
8	Đỗ Tiến Trình	Ủy viên HĐQT	1	5.000.000	5.000.000
9	Cao Trọng Nghiên	Thành viên BKS	8	4.000.000	32.000.000
10	Thái Huy Chương	Thành viên BKS	8	4.000.000	32.000.000
11	Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng BKS	4	5.000.000	20.000.000
12	Nguyễn Hữu Thất	Thành viên BKS	4	4.000.000	16.000.000
13	Lê Văn Chiên	Thành viên BKS	4	4.000.000	16.000.000
14	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên BKS	4	4.000.000	16.000.000
15	Thái Thị Thu Hương	Thành viên BKS	4	4.000.000	16.000.000

D. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Khuôn viên khu văn phòng Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Phát triển và mở rộng các khu công nghiệp đang là xu thế tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhưng vấn đề quan trọng là làm sao giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống của người dân, kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường trong phạm vi cho phép. Chính bởi vậy, một trong những yếu tố quan trọng để doanh nghiệp phát triển bền vững là mở rộng sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường hiệu quả sẽ giúp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin trên thị trường, hướng tới sự phát triển mang tính bền vững cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai sở hữu một hệ thống xử lý nước thải, xử lý bụi và ô nhiễm tiếng ồn quy mô lớn. Ngay từ khi thành lập, lãnh đạo công ty đã xác định đầu tư trang thiết bị để bảo vệ môi trường, tuy đòi hỏi sự đầu tư lớn về chi phí nhưng vẫn duy trì chất lượng sản phẩm tốt, ổn định. Công ty xác định chiến lược phát triển bền vững của Công ty gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường trong sạch, lành mạnh đối với người dân xung quanh và khu đô thị.

Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp.

2. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

❖ Về môi trường

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường. Cụ thể, Công ty đã và đang triển khai - sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO thải ra bên ngoài.

+ Năm 2018, Công ty đã đầu tư hơn 9 tỷ đồng để xây dựng và lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động. Với mục đích xác định chính xác lưu lượng dòng thải, nồng độ các tác nhân ô nhiễm đồng thời xác định phạm vi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Trên cơ sở đó lập kế hoạch quản lý môi trường phù hợp, chuẩn bị kế hoạch ứng phó các tác động tiêu cực và đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, ISO 14001-2015. Công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Cùng với việc đảm bảo hoạt động ổn định liên tục của các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn, công tác bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho từ lúc hoạt động đến nay đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

+ Kiểm tra, đánh giá tác động của các dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

❖ Về xã hội và cộng đồng

+ Thực hiện nhiều giải pháp khả thi trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy. Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên Công ty theo đúng yêu cầu luật định. Hàng tháng tổ chức đoàn kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động của các đơn vị trực thuộc từ đó đề xuất với chuyên môn để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, điều kiện làm việc cho người lao động;

+ Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% cán bộ công nhân viên của công ty làm việc tại Nhà máy và các kho;

+ Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động;

+ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn;

+ Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xi măng xanh - sạch - đẹp;

+ Tham gia công tác quản lý, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.

Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2018



❖ Kiểm soát khí thải, bụi

+ Khí thải của nhà máy chủ yếu phát sinh từ các công đoạn nung Clinker được thải ra ống khói chính cao 110m. Khí thải từ các công đoạn sản xuất của nhà máy trước khi thải ra môi trường qua các ống khói trên được xử lý qua hệ thống lắng lọc cyclon và 04 hệ thống lọc bụi tĩnh điện (thiết bị lọc bụi bằng phương pháp này có hiệu suất lọc bụi đạt 99,99%) nên không gây tác động đáng kể đến môi trường không khí xung quanh.

+ Các khu vực khác như: Khoan nổ mìn, vận tải bằng ô tô trên mỏ, trên đường nội bộ nhà máy được lãn lu, tưới nước; các cửa đổ của trạm đập đá vôi, sét, thạch cao, bazan, kho chứa nguyên nhiên liệu đều được lắp đặt các lọc bụi túi; tuyến băng tải tiếp nhận nguyên nhiên liệu đầu vào, vận chuyển Clinker có nắp đậy bằng tôn.

+ Vào những ngày nắng nóng, hanh khô, các tuyến đường, bãi có nguy cơ phát tán bụi được tưới nước thường xuyên nhằm hạn chế bụi phát tán ra các khu dân cư xung quanh.

+ Trồng 16,7 ha cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi lan ra ngoài nhà máy và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

❖ Kiểm soát tiếng ồn, rung

+ Lắp đặt lò xo, cao su giảm chấn nhằm chống rung, ồn.

+ Lắp đặt đệm chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

+ Dùng các vật liệu cách âm cũng như hút âm để kiểm soát tiếng ồn.

- + Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- + Trồng nhiều cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi và tiếng ồn phát tán ra ngoài nhà máy.

❖ Kiểm soát nước thải

+ Nước sử dụng trong nhà máy được khai thác từ các giếng khoan của Công ty theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2490/GP-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Lượng nước sử dụng trung bình là 3167m³/ngày/đêm (bao gồm lượng nước thất thoát từ khai thác vận chuyển về nhà máy). Lượng nước này dùng để làm mát thiết bị, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm... và sinh hoạt.

+ Nước sản xuất một phần bị bay hơi trong quá trình làm mát thiết bị, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm...phần còn lại được tái sử dụng hoàn toàn không thải ra môi trường ngoài.

+ Nước thải ra môi trường trung bình 23 m³/ngày/đêm, chủ yếu là nước sinh hoạt của người lao động trong Công ty. Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường ngoài được thu gom về các bể phốt sau đó lắng lọc và được xử lý bằng phương pháp vi sinh tại hồ chứa nước thải của Nhà máy sau đó mới thải ra sông Sác – xã Quỳnh Vinh – thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An theo giấy phép xả thải (không thải ra đồng ruộng). Nước thải ra luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An cấp giấy phép xả thải số 60/GP-STNMT.TNN ngày 25 tháng 10 năm 2011.

❖ Kiểm soát chất thải

+ Rác thải sinh hoạt (chất hữu cơ, giấy, túi nilong, bao gói, cành cây, rác thải quét dọn sân bãi...) phát sinh khoảng 65.000kg/năm được Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Môi trường Đô thị Hoàng Mai thu gom và xử lý theo quy định.

+ Rác thải công nghiệp thông thường (đất cát rơi vãi, clinker hỏng...) phát sinh khoảng 150.000kg/năm, loại chất thải này chủ yếu được tái sử dụng lại và một phần rất ít chôn lấp tại bãi chôn lấp chất thải của Công ty – Dự án xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn của nhà máy xi măng đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1810/QĐ.UB ngày 31/8/2004.

+ Các loại chất thải nguy hại (dầu thải, thùng phuy dính dầu, dẻ lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu, lọc dầu các loại xe máy, ắc quy hỏng, bóng đèn

huỳnh quang hồng, rác thải y tế) phát sinh trung bình khoảng 14.682 kg/năm được Công ty tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, xác định khối lượng và đưa về các kho lưu trữ chất thải nguy hại tập trung của Công ty.

- Đối với các loại chất thải (dầu thải, dẻ lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu) được xử lý bằng phương pháp thiêu hủy tại lò nung clinker; Công ty được Tổng cục Môi trường chấp thuận cho tự xử lý các loại chất thải nêu trên tại Văn bản số 92/TCMT-TĐ ngày 24/1/2014 của Tổng cục môi trường “về việc thay đổi biện pháp xử lý chất thải nguy hại”.
- Đối với các loại chất thải nguy hại không được xử lý (thùng phuy dính dầu, lọc dầu các loại xe máy, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hồng, rác thải y tế) Công ty thuê đơn vị có đủ chức năng để xử lý.

+ Công ty được Sở Tài nguyên và môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 40.000291.Tx, cấp lại lần thứ 7 ngày 22/4/2014.

❖ **Tình hình nộp phí bảo vệ môi trường với nước thải**

Thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hằng năm theo yêu cầu của Chi cục bảo vệ môi trường Nghệ An.

❖ **Chế độ quan trắc, giám sát chất lượng môi trường định kỳ**

Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt, hàng năm Công ty luôn thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo các quy định của ĐTM và các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Quan trắc môi trường không khí trong nhà máy 02 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn.

+ Quan trắc môi trường khí thải công nghiệp xi măng 4 lần/năm; các thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, O₂.

+ Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt khu vực mỏ 2 lần/năm; các thông số giám sát gồm 15 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, TDS, S²⁻, NH₄⁺, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO₃⁻, PO₄³⁻, COD, BOD₅ và Coliform.

+ Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt nhà máy 4 lần/năm; các thông số giám sát gồm 10 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ, NO₃⁻, PO₄³⁻, Amoni, COD, BOD₅ và Coliform.

+ Quan trắc môi trường nước mặt 2 lần/năm; các thông số giám sát gồm 10 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ, NO_3^- , PO_4^{3-} , Amoni, COD, BOD_5 và Coliform.

+ Quan trắc độ rung 2 lần/năm: 02 mẫu.

+ Quan trắc khí thải khí đồng xử lý CTNH trong lò nung Clinker.

Qua kết quả quan trắc, khảo sát trong những năm vừa qua cho thấy các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép, chất lượng môi trường tại khu vực khai thác mỏ và xung quanh nhà máy đều đảm bảo, hàm lượng bụi, khí thải đều nằm trong giới hạn của các tiêu chuẩn đã ban hành và không có nhiều biến động giữa các đợt quan trắc.

❖ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Thực hiện các cam kết của báo cáo đánh giá tác động môi trường qua quá trình thực hiện Công ty đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Nghệ An xác nhận đã lắp đặt các hệ thống xử lý môi trường phù hợp với ĐTM, thực hiện nghiêm túc các hoạt động bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt ĐTM tại Văn bản số 80/XN/KCM ngày 16/9/2002.

❖ **Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường**

Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo các Văn bản thông báo của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An, cụ thể:

+ Thông báo số 149/TB-TNMT-MT ngày 17/01/2008 của Sở TNMT tỉnh Nghệ An.

+ Thông báo số 1242/TB-TNMT-MT ngày 21/5/2007 của Sở TNMT tỉnh Nghệ An.

+ Thông báo số 01/TB-TNMT-MT ngày 28/01/2008 của Sở TNMT tỉnh Nghệ An.

Tổng số tiền đã nộp theo 03 thông báo trên là: 1.152.423.221 VNĐ.

+ Quyết định số 2921/QĐ-BTNMT về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án đầu tư khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh thuộc xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An của Bộ tài nguyên môi trường

Số tiền theo QĐ trên là 4.495.772.000 VNĐ.

❖ **Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Công tác tổ chức lao động

Trong năm 2018, Công ty đã và đang hoàn thiện Đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019- 2025; đã thực hiện tổ chức lại sản xuất theo chủ trương chung của Tổng công ty, đã tiến hành rà soát lại lao động để giảm số lao động dôi dư đồng thời có chương trình hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Tổng số lao

động của Công ty đến thời điểm 31/12/2018 là 867 người, giảm 84 người so với thời điểm 01/01/2018.

Trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, định biên, bố trí, sắp xếp lại lao động, công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động.

b) Công tác tiền lương, thu nhập

Năm 2018, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ đầy đủ cho người lao động, tổ chức các đợt điều dưỡng cho người lao động có sức khỏe nhóm IV, V; 100% được huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, được ký kết hợp đồng lao động đúng quy định, được tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao;

Tổng quỹ lương năm 2018 được phê duyệt là 117,16 tỷ đồng. Trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý là 2,16 tỷ đồng, theo đó tiền lương bình quân của người quản lý là 36 triệu đồng/người/tháng; quỹ tiền lương của người lao động là 115 tỷ đồng, theo đó, tiền lương bình quân của người lao động là 10,2 triệu đồng/người/tháng. Như vậy, mức tiền lương bình quân của người lao động được đảm bảo duy trì cao hơn năm 2017.

c) Công tác đào tạo

Năm 2018, Công ty tổ chức 56 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị; khóa đào tạo về kế toán viên, kiểm toán viên và nâng cao nghiệp vụ kiểm toán viên; nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ cấp trung; đào tạo về quản trị sản xuất; đào tạo kỹ năng quản lý công việc hiệu quả và kỹ năng khích lệ tạo động lực, tăng hiệu suất công việc của nhân viên cho cán bộ quản lý; đào tạo về quản trị doanh nghiệp trong cách mạng CN 4.0; tổ chức các lớp tập huấn quản trị hiệu quả rủi ro gian lận thuế và báo cáo tài chính; tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy; bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp... Tổng số người được đào tạo năm 2018 là trên 900 lượt người với tổng giá trị đào tạo đạt 1,3 tỷ đồng.

d) Hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên và người lao động

+ Công đoàn tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, hoạn nạn; thực hiện việc hỗ trợ, giúp đỡ cho 30 đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết nguyên đán Mậu tuất 2018 với số tiền trợ cấp là 47 triệu đồng; Công đoàn Công ty đã đề nghị Ban thường vụ Công đoàn Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam hỗ trợ chi trợ cấp khó khăn cho 30 đoàn viên công đoàn của Công ty có hoàn cảnh khó khăn với mức 500.000 đồng/người;

+ Tổ chức thăm và tặng quà cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn nhân tháng công nhân.

+ Tổ chức phát động quyên góp cho 02 đoàn viên công đoàn mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với tổng mức quyên góp được là 215 triệu Đồng

+ Phối hợp với chuyên môn, mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ công nhân lao động. Năm 2018, Công đoàn Công ty làm việc với cơ quan bảo hiểm cung cấp hồ sơ chế độ bảo hiểm thân thể cho công nhân lao động ốm đau, tai nạn, chi trả kịp thời đầy đủ cho trên 70 người lao động không may bị ốm đau, tai nạn với tổng số tiền trên 40 triệu đồng.

+ Chỉ đạo Công đoàn các đơn vị thực hiện tốt công tác thăm hỏi, động viên đến người lao động thông qua Quy chế hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn. Trong năm 2018, 100% các đoàn viên công đoàn Công ty gặp khó khăn, có việc hiếu, hỷ đều được Công đoàn công ty phối hợp với Công đoàn các đơn vị trực tiếp đến thăm hỏi động viên.

+ Động viên kịp thời về vật chất và tinh thần cho công nhân lao động các đơn vị tham gia các đợt sửa chữa lớn, nhằm góp phần đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ sửa chữa, rút ngắn được thời gian và đạt chất lượng cao.

+ Triển khai thực hiện nghị quyết 7C của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam về chế độ ăn ca cho người lao động được đảm bảo tốt.

+ Công đoàn Công ty chỉ đạo Ban nữ công, phối hợp với Đoàn thanh niên Công ty tổ chức gặp mặt, động viên, tặng quà cho trên 1000 cháu thiếu niên nhi đồng là con cán bộ công nhân, người lao động trong Công ty nhân dịp ngày lễ Quốc tế thiếu nhi 01/6;

+ Tổ chức trao phần thưởng cho 797 cháu là con của cán bộ, người lao động của Công ty có thành tích học tập tốt trong năm học 2017- 2018 với số tiền 117.900.000

đồng và khen thưởng cho 26 cháu đậu kỳ thi Đại học năm 2017 với mức thưởng mỗi cháu 700.000 đồng;

+ Tổ chức thăm quan du lịch tại Huế - Đã nâng cho 170 cán bộ, công nhân lao động có thành tích xuất sắc trong năm 2017.

+ Tổ chức chúc mừng, động viên các thầy, cô giáo trên địa bàn thị xã Hoàng Mai nhân dịp khai giảng năm học 2018-2019 và ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.

- Tổ chức vui Tết Trung thu và tặng quà cho hơn 1000 cháu thiếu niên, nhi đồng là con cán bộ công nhân lao động Công ty.

+ Năm 2018, Công đoàn phối hợp cùng chuyên môn tổ chức khám sức khỏe theo định kỳ cho 929 người lao động và tổ chức cho 102 người lao động có sức khỏe loại 4, loại 5 đi nghỉ điều dưỡng tại Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm Sơn Thanh Hóa; tổ chức khám sức khỏe sinh sản cho 178 lao động nữ Công ty.

+ Công đoàn Công ty chỉ đạo mạng lưới ATVSV Công ty hoạt động có trách nhiệm, hiệu quả, đảm bảo an toàn và an ninh trật tự. Trong năm 2018 không để xảy ra tai nạn mất an toàn trong lao động tại nơi làm việc.

+ Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Công đoàn phối hợp với Hội cựu chiến binh tổ chức cho 27 đồng chí cựu chiến binh hành trình về nguồn, các địa chỉ đỏ ở các tỉnh phía bắc.

❖ Công tác từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Ban Lãnh đạo Công ty đã phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức phát động các phong trào tương trợ giúp nhau vượt qua khó khăn và tham gia công tác an sinh xã hội như lập quỹ tình thương đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; ủng hộ quỹ khuyến học khuyến tài, hưởng ứng chương trình nông thôn mới, gia đình chính sách, nhận phụng dưỡng bà mẹ liệt sỹ... Công ty luôn đặc biệt quan tâm đến công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội vì cộng đồng. Cụ thể, phối hợp với Đảng ủy, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên công ty, Xí nghiệp tiêu thụ tổ chức từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận như sau:

+ Phối hợp Đoàn thanh niên Công ty tổ chức tham gia chương trình hiến máu nhân đạo;

+ Thăm và tặng quà cho gia đình người lao động Công ty có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, 02 Mẹ Việt Nam anh hùng và 03 cháu mồ côi do Công ty nhận phụng dưỡng, trợ cấp nhân dịp Tết nguyên đán năm 2018;

+ Hỗ trợ trên 3.400 tấn xi măng để ủng hộ các đơn vị và địa phương nâng cấp cơ sở hạ tầng và đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh tạo sự gắn kết tốt giữa Công ty và chính quyền địa phương;

+ Tặng quà cho các cháu học sinh nghèo học giỏi; người khuyết tật và trẻ mồ côi; Hội khuyến học; Gia đình chính sách; Tết vì người nghèo và quỹ Đền ơn đáp nghĩa và các phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, xây dựng trường mầm non Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai; trường mầm non xã Tri Lễ, huyện Quế Phong và các công trình phúc lợi khác.

Với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, Vicem Hoàng Mai cam kết sẽ luôn song hành giữa sản xuất kinh doanh và thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng



Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Đỗ Tiến Trình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Trần Đức Danh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
Ông Trần Việt Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Lê Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Nguyễn Công Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018
Ông Đậu Phi Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 2 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Huy Chương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Trọng Nghiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Bà Thái Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thất	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Văn Chiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

SI
CÓI
TI
ST
CỘ
H
HÀ
T
T

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập vào trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nghệ An, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 60862266/20164998

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

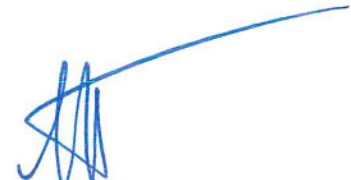
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1


Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		610.418.575.421	501.620.898.869
110	I. Tiền	4	129.160.069.556	54.720.698.092
111	1. Tiền		129.160.069.556	54.720.698.092
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		196.644.811.511	189.452.404.283
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	168.469.465.020	188.029.903.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.432.814.767	923.423.642
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	31.526.931.520	7.787.395.413
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1,6	(7.784.399.796)	(7.288.317.899)
140	III. Hàng tồn kho	8	256.666.768.994	249.533.311.609
141	1. Hàng tồn kho		257.859.099.387	250.817.657.592
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.192.330.393)	(1.284.345.983)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.946.925.360	7.914.484.885
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	18.625.155.222	7.914.484.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.321.770.138	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.067.494.759.622	1.142.169.934.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.648.195.221	1.061.401.801
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	5.648.195.221	1.061.401.801
220	II. Tài sản cố định		768.900.115.942	890.992.369.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	768.352.194.420	890.303.225.015
222	Nguyên giá		2.894.729.827.713	2.889.933.974.172
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.126.377.633.293)	(1.999.630.749.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	547.921.522	689.144.165
228	Nguyên giá		2.168.923.370	2.168.923.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.621.001.848)	(1.479.779.205)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		89.062.600.449	47.612.215.804
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	89.062.600.449	47.612.215.804
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.000.000.000	12.000.000.000
255	1. Các khoản đầu tư tài chính	13	12.000.000.000	12.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		191.883.848.010	190.503.947.608
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	62.478.415.381	63.557.137.918
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	129.405.432.629	126.946.809.690
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.677.913.335.043	1.643.790.833.262

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		737.577.574.888	722.514.619.405
310	I. Nợ ngắn hạn		698.980.458.552	688.554.690.256
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	334.091.780.926	228.417.096.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.245.371.099	10.994.372.995
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.187.555.853	17.145.923.323
314	4. Phải trả người lao động		25.166.942.194	26.836.633.520
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	18.091.972.343	14.966.512.785
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	18.141.206.954	17.735.858.698
320	7. Vay ngắn hạn	18	286.704.146.040	359.154.048.695
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	3.351.483.143	13.304.244.143
330	II. Nợ dài hạn		38.597.116.336	33.959.929.149
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	37.010.971.034	32.898.527.348
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	1.586.145.302	1.061.401.801
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		940.335.760.155	921.276.213.857
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	940.335.760.155	921.276.213.857
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		208.210.192.057	208.210.192.057
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.186.943.749	2.127.397.451
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.127.397.451	522.233.138
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		19.059.546.298	1.605.164.313
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.677.913.335.043	1.643.790.833.262

Người lập
Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng
Đậu Thị Nga

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quốc Việt



Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.734.375.639.478	1.421.717.662.995
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.734.375.639.478	1.421.717.662.995
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.524.899.638.375)	(1.232.079.538.789)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		209.476.001.103	189.638.124.206
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.137.953.465	851.081.537
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(19.914.348.170) (19.880.386.365)	(24.858.680.911) (24.774.359.777)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(99.909.301.696)	(78.649.401.032)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(71.160.918.603)	(82.793.099.238)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.629.386.099	4.188.024.562
31	11. Thu nhập khác	26	3.863.005.885	2.207.406.590
32	12. Chi phí khác	26	(300.000.000)	(288.317.324)
40	13. Lợi nhuận khác		3.563.005.885	1.919.089.266
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.192.391.984	6.107.113.828
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(20.402.000)	(388.956.624)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(4.112.443.686)	(4.112.992.891)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.059.546.298	1.605.164.313
70	18. Lãi trên cổ phiếu	30		
	- Lãi cơ bản		275	23
	- Lãi suy giảm		275	23

Người lập
Trần Minh Tuấn

Kế toán trưởng
Đậu Thị Nga

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quốc Việt



Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		23.192.391.984	6.107.113.828
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	134.700.378.270	132.903.010.596
03	Các khoản dự phòng		928.809.808	2.024.732.401
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(300.588)	46.125.432
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.440.977.816)	(850.330.620)
06	Chi phí lãi vay	24	19.880.386.365	24.774.359.777
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		177.260.688.023	165.005.011.414
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(21.439.267.983)	4.764.758.214
10	Tăng hàng tồn kho		(9.500.064.734)	(46.602.392.259)
11	Tăng các khoản phải trả		81.443.627.385	16.869.039.678
12	Tăng chi phí trả trước		(9.631.947.800)	(21.855.608.330)
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.902.426.345)	(24.884.459.360)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.402.000)	(4.758.538.898)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.952.761.000)	(9.690.252.170)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		188.257.445.546	78.847.558.289
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(42.589.389.589)	(67.612.964.129)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		307.272.728	-
23	Tiền chi cho vay ủy thác đầu tư		-	(12.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	71.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		975.920.388	1.352.511.175
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(41.306.196.473)	(7.260.452.954)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.266.203.110.021	1.196.340.590.303
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.338.696.723.718)	(1.282.813.365.239)
36	Cổ tức đã trả		(18.564.500)	(27.770.857.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(72.512.178.197)	(114.243.631.936)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		74.439.070.876	(42.656.526.601)
60	Tiền đầu năm	4	54.720.698.092	97.378.206.645
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		300.588	(981.952)
70	Tiền cuối năm	4	129.160.069.556	54.720.698.092



Người lập
Trần Minh Tuấn



Kế toán trưởng
Đâu Thị Nga



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quốc Việt

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 867 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 953 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả, hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	4 - 11 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn.

Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam:

Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty) được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 10 năm dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	643.859.175	136.752.932
Tiền gửi ngân hàng	128.516.210.381	54.583.945.160
TỔNG CỘNG	<u>129.160.069.556</u>	<u>54.720.698.092</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	144.277.183.362	145.248.228.279
- Sở Tài chính Nghệ An (*)	35.049.749.991	95.049.749.991
- Công ty TNHH Thành Luân	24.914.553.018	13.809.013.828
- Công ty Cổ phần Xi măng Việt HP	21.902.457.212	-
- Công ty TNHH Trường An	13.833.321.436	10.156.067.842
- Phải thu các khách hàng khác	48.577.101.705	26.233.396.618
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	24.192.281.658	42.781.674.848
TỔNG CỘNG	<u>168.469.465.020</u>	<u>188.029.903.127</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.829.452.262)	(3.433.847.644)

(*) Đây là công nợ phải thu Sở Tài chính Nghệ An liên quan tới việc Công ty cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn và phần lớn công nợ này phát sinh trong các năm 2016 và 2017. Do Sở Tài chính Nghệ An chưa thể thu xếp nguồn kinh phí ngân sách để trả nợ Công ty đúng thời hạn hợp đồng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và Cục thuế tỉnh Nghệ An đã có văn bản cho phép Công ty được hoãn trả các khoản thuế tương ứng với khoản nợ phải thu mà Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	2.728.581.125	-
- Công ty Cổ phần Thủy lực	843.810.000	-
- Trả trước cho người bán khác	860.423.642	923.423.642
TỔNG CỘNG	<u>4.432.814.767</u>	<u>923.423.642</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Chi hộ dự án Đường tránh Ngã Ba Đồng Lộc (*)	17.851.086.262	-	-	-
Phải thu về chi phí đã phát sinh cho Dự án Đô Thị Xi măng Hoàng Mai (**)	6.172.086.734	3.599.947.534	6.172.086.734	3.499.470.255
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án đô thị Quỳnh Vinh	3.299.389.000	-	-	-
Các khoản tạm ứng Cho vay	2.728.122.990	-	852.136.005	-
Cho vay	355.000.000	355.000.000	355.000.000	355.000.000
Tiền lãi phải thu	223.908.300	-	66.123.600	-
Các khoản phải thu khác	897.338.234	-	342.049.074	-
TỔNG CỘNG	31.526.931.520	3.954.947.534	7.787.395.413	3.854.470.255
Dài hạn				
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	5.648.195.221	-	1.061.401.801	-
TỔNG CỘNG	5.648.195.221	-	1.061.401.801	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>37.024.886.728</i>	<i>3.954.947.534</i>	<i>8.767.269.140</i>	<i>3.854.470.255</i>
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>150.240.013</i>	<i>-</i>	<i>81.528.074</i>	<i>-</i>

(*) Theo Quyết định số 709/VICEM-TGD-CD ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Vicem") về việc yêu cầu các đơn vị thành viên tham gia hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường tránh đoạn qua khu di tích lịch sử ngã ba Đồng Lộc và giao cho Công ty thay mặt Vicem thực hiện dự án này. Đây là khoản tiền ứng trước của Công ty để thực hiện dự án này và Công ty sẽ được hoàn trả các khoản chi phí này bởi các đơn vị thành viên trong Vicem.

(**) Đây là các khoản chi phí xây dựng cơ bản của Dự án Đô thị Xi măng Hoàng Mai được Công ty và các đối tác tham gia hợp đồng hợp tác liên doanh – BCC chi trả trong các năm tài chính trước. Trong năm 2017, chính quyền địa phương đã có văn bản thu hồi dự án và không bồi hoàn chi phí đã phát sinh cho Dự án và theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ các chi phí xây dựng cơ bản kể trên từ hạng mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" sang "Phải thu ngắn hạn khác" và thực hiện trích lập dự phòng với số tiền là 3.599.947.534 VND, tương ứng với phần vốn đã góp trong BCC của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai Công ty Cổ phần xi măng Puzolan	3.599.947.534	-	3.499.470.255	-
Khác	2.658.439.332	-	2.658.439.332	-
	1.526.012.930	-	1.607.940.387	477.532.075
TỔNG CỘNG	7.784.399.796	-	7.765.849.974	477.532.075

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.213.428.916	-	122.247.636.213	-
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	46.114.177.652	(1.078.077.203)	55.032.153.514	(1.170.092.793)
Nguyên liệu, nhiên liệu	93.060.060.571	(114.253.190)	41.873.006.530	(114.253.190)
Thành phẩm	34.471.432.248	-	31.664.861.335	-
TỔNG CỘNG	257.859.099.387	(1.192.330.393)	250.817.657.592	(1.284.345.983)
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	129.405.432.629	-	126.946.809.690	-
TỔNG CỘNG	129.405.432.629	-	126.946.809.690	-

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.284.345.983	1.326.067.023
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(92.015.590)	(41.721.040)
Số cuối năm	1.192.330.393	1.284.345.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	17.832.364.952	6.877.583.150
Phí bảo hiểm	792.790.270	1.036.901.735
TỔNG CỘNG	18.625.155.222	7.914.484.885
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	60.995.410.659	58.516.767.399
Chi phí sửa chữa lớn đường vào nhà máy	1.483.004.722	3.100.828.058
Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (**)	-	1.939.542.461
TỔNG CỘNG	62.478.415.381	63.557.137.918

(*) Đây chủ yếu là chi phí thay thế phụ tùng, vật tư phát sinh và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư, phụ tùng sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp. Công ty đã thực hiện phân bổ các chi phí vật tư, thiết bị, phụ tùng xuất dùng cho sửa chữa lớn kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

(**) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VND, và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Chi phí trả trước này được phân bổ dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	749.252.661.547	2.087.920.027.663	40.952.258.186	11.809.026.776	2.889.933.974.172
- Mua trong năm	6.126.147.451	4.914.222.945	1.016.163.636	551.591.000	12.608.125.032
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.218.190.365)	(1.594.081.126)	-	(7.812.271.491)
Số dư cuối năm	755.378.808.998	2.086.616.060.243	40.374.340.696	12.360.617.776	2.894.729.827.713
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	12.000.565.355	72.715.114.484	22.866.229.037	1.271.129.230	108.853.038.106
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	331.501.166.626	1.630.138.143.257	31.664.437.093	6.327.002.181	1.999.630.749.157
- Khấu hao trong năm	31.236.849.475	98.932.616.501	2.300.516.222	2.089.173.429	134.559.155.627
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.218.190.365)	(1.594.081.126)	-	(7.812.271.491)
Số dư cuối năm	362.738.016.101	1.722.852.569.393	32.370.872.189	8.416.175.610	2.126.377.633.293
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	417.751.494.921	457.781.884.406	9.287.821.093	5.482.024.595	890.303.225.015
Số dư cuối năm	392.640.792.897	363.763.490.850	8.003.468.507	3.944.442.166	768.352.194.420

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số dư đầu năm	2.168.923.370
Số dư cuối năm	2.168.923.370
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	1.482.223.370
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	1.479.779.205
Hao mòn trong năm	141.222.643
Số dư cuối năm	1.621.001.848
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	689.144.165
Số dư cuối năm	547.921.522

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	46.661.420.156	19.123.170.857
Dự án Hoàng Mai II (*)	23.840.847.476	23.263.577.022
Hệ thống dây chuyền đóng bao	11.898.038.461	-
Mua sắm tài sản cố định	5.376.777.250	2.362.472.945
Dây chuyền sản xuất tro bay	-	1.546.912.420
Tổ hợp nhà thương mại Vinh	707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh	495.060.000	495.060.000
Các công trình khác	82.928.182	113.493.636
TỔNG CỘNG	89.062.600.449	47.612.215.804

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư cho Dự án Xi măng Hoàng Mai II dự kiến hoàn thành giai đoạn một trong năm 2022. Dự án này bao gồm các hạng mục là (i) một trạm nghiền xi măng công suất 1.800.000 tấn xi măng/năm tại Khu Công nghiệp Đông Hội, thị xã Hoàng Mai, (ii) cảng Đông Hội tại thị xã Hoàng Mai, và (iii) dây chuyền lò nung clinker công suất 6.000 tấn clinker/ngày tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trái phiếu ngân hàng	<u>12.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm, đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027 và hưởng lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tham chiếu (trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được niêm yết của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được quyền mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu đã phát hành này với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm kể từ ngày phát hành.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	222.574.021.670	222.574.021.670	141.101.138.156	141.101.138.156
- Công ty TNHH Thương mại Thành Công	19.758.778.925	19.758.778.925	12.200.628.099	12.200.628.099
- Phải trả người bán khác	202.815.242.745	202.815.242.745	128.900.510.057	128.900.510.057
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>111.517.759.256</u>	<u>111.517.759.256</u>	<u>87.315.957.941</u>	<u>87.315.957.941</u>
TỔNG CỘNG	<u>334.091.780.926</u>	<u>334.091.780.926</u>	<u>228.417.096.097</u>	<u>228.417.096.097</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	8.843.632.070	28.896.983.089	35.613.055.694	2.127.559.465
Thuế tài nguyên	2.213.020.687	16.516.749.045	14.928.983.607	3.800.786.125
Tiền thuê đất	2.176.849.000	4.353.698.001	4.353.698.000	2.176.849.001
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.741.188.720	2.386.227.400	2.377.555.000	1.749.861.120
Thuế thu nhập cá nhân	375.257.607	906.239.571	972.746.844	308.750.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	-	20.402.000	20.402.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	<u>1.795.975.239</u>	<u>8.103.666.785</u>	<u>7.875.892.216</u>	<u>2.023.749.808</u>
TỔNG CỘNG	<u>17.145.923.323</u>	<u>61.183.965.891</u>	<u>66.142.333.361</u>	<u>12.187.555.853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	8.891.589.243	9.773.879.453
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ, khuyến mại	5.874.423.991	2.463.514.000
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	-	521.016.303
Chi phí lãi vay phải trả	349.352.093	371.392.073
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	585.855.870	365.992.234
Chi phí tiền điện	54.332.244	4.061.921
Chi phí phải trả khác	2.336.418.902	1.466.656.801
TỔNG CỘNG	<u>18.091.972.343</u>	<u>14.966.512.785</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí vận tải (*)	9.454.605.875	9.454.605.875
Phải trả về chi phí của đối tác đã phát sinh cho Dự án Đô Thị Xi măng Hoàng Mai (**)	2.572.139.200	2.572.139.200
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.041.784.150	2.060.348.650
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.881.138.245	1.549.959.885
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.191.539.484	2.098.805.088
TỔNG CỘNG	<u>18.141.206.954</u>	<u>17.735.858.698</u>

(*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (Thuyết minh số 5.1). Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

(**) Xem Thuyết minh số 6.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	354.923.608.439	354.923.608.439	1.266.203.110.021	1.334.422.572.420	286.704.146.040	286.704.146.040	
Vay dài hạn đến hạn trả	4.230.440.256	4.230.440.256	-	4.274.151.298	-	-	
TỔNG CỘNG	359.154.048.695	359.154.048.695	1.266.203.110.021	1.338.696.723.718	286.704.146.040	286.704.146.040	

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.1 Vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn	147.112.606.355	3 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 5 tháng 1 năm 2019 đến ngày 13 tháng 3 năm 2019.	5.5% - 6.5%	Một số nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	138.682.442.212	6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 30 tháng 4 năm 2019 đến ngày 24 tháng 6 năm 2019.	5.5% - 6.5%	Một số phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và hàng tồn kho.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	909.097.473	4 - 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn ngày 23 tháng 4 năm 2019.	5.5% - 6.8%	Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. Một số máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai.
Tổng cộng	286.704.146.040			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	13.304.244.143	8.759.496.313
Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	-	14.235.000.000
Sử dụng trong năm	<u>(9.952.761.000)</u>	<u>(9.690.252.170)</u>
Số dư cuối năm	<u>3.351.483.143</u>	<u>13.304.244.143</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	<u>1.586.145.302</u>	<u>1.061.401.801</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.586.145.302</u>	<u>1.061.401.801</u>

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số dư đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	196.822.894.943	53.835.970.252	961.597.489.544
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.605.164.313	1.605.164.313
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(27.691.440.000)	(27.691.440.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.235.000.000)	(14.235.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	11.387.297.114	(11.387.297.114)	-
Số dư cuối năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	2.127.397.451	921.276.213.857
Năm nay						
Số dư đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	2.127.397.451	921.276.213.857
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	19.059.546.298	19.059.546.298
Số dư cuối năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	21.186.943.749	940.335.760.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông VND	Tỷ lệ %	Cổ phiếu phổ thông VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
TỔNG CỘNG	720.000.000.000	100,00	720.000.000.000	100,00

21.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm <i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (400 VND/cổ phiếu)</i>	-	27.691.440.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

21.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.771.400)	(2.771.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.228.600	69.228.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông	69.228.600	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10.000 đồng Việt Nam).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.734.375.639.478	1.421.717.662.995
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.704.369.673.978	1.376.193.449.504
Doanh thu bán sản phẩm khác	24.488.639.034	34.075.000.976
Doanh thu khác	5.517.326.466	11.449.212.515
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.734.375.639.478	1.421.717.662.995
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	1.721.923.576.752	1.353.691.839.618
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	12.452.062.726	68.025.823.377

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.500.869.093.761	1.196.181.574.872
Giá vốn bán sản phẩm khác	19.598.540.533	25.737.808.728
Giá vốn khác	4.432.004.081	10.160.155.189
TỔNG CỘNG	1.524.899.638.375	1.232.079.538.789

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.880.386.365	24.774.359.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.961.805	82.026.134
Chiết khấu thanh toán	-	2.295.000
TỔNG CỘNG	19.914.348.170	24.858.680.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	25.108.964.576	6.527.158.083
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	25.252.304.991	14.271.410.500
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	12.938.752.943	14.831.679.262
Chi phí hội nghị, khánh tiết	10.240.354.641	12.376.964.809
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	3.404.308.883	6.105.194.529
Chi phí chuyển giao bí quyết bán hàng	2.017.477.257	3.508.403.370
Chi phí lợi thế thương mại	1.939.542.460	7.758.169.944
Chi phí khác	19.007.595.945	13.270.420.535
	99.909.301.696	78.649.401.032
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	27.263.405.672	30.007.437.537
Chi phí hội nghị, khánh tiết	8.042.201.893	7.567.277.144
Chi phí khấu hao	8.995.377.895	9.319.876.843
Chi phí chuyển giao bí quyết doanh nghiệp	1.651.299.467	3.279.786.333
Chi phí khác	25.208.633.676	32.618.721.381
	71.160.918.603	82.793.099.238
TỔNG CỘNG	171.070.220.299	161.442.500.270

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.863.005.885	2.207.406.590
Bồi thường tổn thất	2.610.037.500	-
Lãi từ thanh lý tài sản	307.272.728	-
Thu phạt hợp đồng	152.620.000	95.579.810
Xóa số công nợ tồn lâu năm	96.800.000	697.668.530
Thu nhập khác	696.275.657	1.414.158.250
Chi phí khác	300.000.000	288.317.324
Chi phí khác	300.000.000	288.317.324
GIÁ TRỊ THUẦN	3.563.005.885	1.919.089.266

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	863.047.618.150	705.612.882.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.780.561.040	330.337.075.604
Chi phí nhân công	140.721.601.901	134.173.800.899
Chi phí khấu hao và hao mòn	134.700.378.270	132.903.010.596
Chi phí khác	143.492.062.929	142.044.989.351
TỔNG CỘNG	1.660.742.222.290	1.445.071.758.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02–UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 20% (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	20.402.000	388.956.624
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.112.443.686	4.112.992.891
TỔNG CỘNG	4.132.845.686	4.501.949.515

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.192.391.984	6.107.113.828
Thuế TNDN theo thuế suất 10% áp dụng cho Công ty	-	550.239.624
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.638.478.397	120.943.517
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác	205.631.637	137.638.423
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	20.402.000	388.956.624
Dự phòng phải thu cho dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai	20.095.456	349.947.026
Chênh lệch về thuế suất ghi nhận thuế hoãn lại phải trả đối với chi phí khấu hao	-	2.056.496.445
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận đối với phần lỗ phát sinh	-	958.199.614
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Bù trừ giữa hai hoạt động	-	(60.471.758)
Lỗ năm trước chuyển sang	(751.761.804)	-
Chi phí thuế TNDN	4.132.845.686	4.501.949.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	37.010.971.034	32.898.527.348	(4.112.443.686)	(4.112.992.891)
	37.010.971.034	32.898.527.348		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(4.112.443.686)	(4.112.992.891)

Lỗi chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 5.823.187.121 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.581.996.140 VND) có thể sẽ được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến 31 tháng 12 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại 31 tháng 12 năm 2018
2017	2022	9.581.996.140	(3.758.809.019)	-	5.823.187.121
TỔNG CỘNG		9.581.996.140	(3.758.809.019)	-	5.823.187.121

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra tại ngày của báo cáo tài chính.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Mua than cám	195.357.831.216	320.807.208.768
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng xuất khẩu	56.860.128.524	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	26.710.613.033	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	26.150.713.900	27.201.112.700
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	9.736.084.100	14.648.558.100
Chi nhánh công ty CP xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp tiêu thụ và dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng	9.192.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	6.349.521.900	7.390.787.600
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn chuyển giao và phí sử dụng nhãn hiệu Vicem (*)	3.668.776.724	6.820.811.817
Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Bán clinker	2.933.929.089	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Mua vỏ bao và clinker	2.694.112.344	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2017: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Theo hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp và các phụ lục hợp đồng ký giữa Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và Công ty, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, tổng phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,2% trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công ngoài (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,5% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công thuê ngoài).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền xây gạch lò và gia công xi măng	11.982.127.771	33.035.027.896
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	10.111.200.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	2.098.953.887	5.761.035.697
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền xi măng hỗ trợ	-	3.208.990.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán xi măng	-	519.890.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền xây gạch lò	-	256.731.255
			24.192.281.658	42.781.674.848
Phải thu khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu vật tư cho vay	135.064.678	-
Ban Quản lý Dự án Đông Hồi	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	9.584.483	11.047.983
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	5.530.714	7.767.676
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	60.138	274.915
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền xây gạch lò	-	62.437.500
			150.240.013	81.528.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	49.781.544.004	39.887.929.664
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	22.546.141.400	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	15.616.064.352	10.475.925.010
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	11.201.409.670	12.568.141.586
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	7.551.278.120	10.124.853.910
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao	3.327.798.979	3.763.734.700
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao và phí quản lý	1.312.631.581	6.119.519.191
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua cát tiêu chuẩn	180.891.150	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	-	3.205.564.780
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí tư vấn	-	536.890.100
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí đào tạo	-	312.200.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền mua vỏ bao và xây gạch lò	-	190.674.000
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí tư vấn khảo sát địa hình	-	130.525.000
			111.517.759.256	87.315.957.941

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.160.000.000	2.592.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	461.800.000	663.000.000
TỔNG CỘNG	2.621.800.000	3.255.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.059.546.298	1.605.164.313
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>19.059.546.298</u>	<u>1.605.164.313</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>19.059.546.298</u>	<u>1.605.164.313</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>69.228.600</u>	<u>69.228.600</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	275	23
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	275	23

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

BỘ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.353.698.000	4.353.698.000
Từ 1 - 5 năm	17.414.792.000	17.414.792.000
Trên 5 năm	15.723.351.339	20.077.049.339
TỔNG CỘNG	<u>37.491.841.339</u>	<u>41.845.539.339</u>

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị khoảng 15,6 tỷ đồng liên quan đến việc thực hiện Dự án Hệ thống trạm quan trắc khí thải, Dự án xây dựng cơ bản mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3 và một số hợp đồng khác.

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo các công văn thông báo và hướng dẫn UBND tỉnh Nghệ An và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An và Quyết định số 2921/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh mà Công ty được cấp giấy phép khai thác, Công ty có các cam kết liên quan tới việc chi phí cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 471.484.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 38.745.000 đồng.

Đối với mỏ sét Quỳnh Vinh, tổng số tiền ký quỹ là 5.060.045.000 đồng, trong đó tiền ký quỹ năm 2018 là 4.495.772.000 đồng.

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2015) và Thông tư 44/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017). Theo quy định tại các Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại các Thông tư này, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của các Thông tư này. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế Tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập
Trần Minh Tuấn



Kế toán trưởng
Đâu Thị Nga



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quốc Việt



Ngày 15 tháng 3 năm 2019